

Số: 347 /QĐ-UBND

Bình Thuận, ngày 20 tháng 02 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Phê duyệt Đề án Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Bình Thuận**  
**giai đoạn 2025 - 2030**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;*

*Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 1701/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng đề án chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương;*

*Căn cứ Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 18 tháng 3 năm 2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Thuận (khóa XIV) về chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;*

*Căn cứ Kế hoạch 1282/KH-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XIV) về chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;*

*Theo đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 96/TTr-STTTT ngày 30 tháng 12 năm 2024.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2025 - 2030.

**Điều 2.** Căn cứ nội dung Đề án được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, Sở Thông tin và Truyền thông và thủ trưởng các sở, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo theo đúng nội dung và quy định pháp luật hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; thủ trưởng các sở, ban, ngành; chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TTTT, KGVXNV, Trang.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Minh**

## ĐỀ ÁN

### Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2025 - 2030

(kèm theo Quyết định số 347 /QĐ-UBND ngày 20/02/2025  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận)

## Phần I

### SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

#### I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

##### 1. Xu thế toàn cầu

Thế giới đang trong giai đoạn cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, một cuộc cách mạng công nghệ mới, đặc biệt khác với các cuộc cách mạng trước đây. Về tốc độ, tăng theo hàm lũy thừa, về phạm vi và chiều sâu, đây là cuộc cách mạng dựa trên nền tảng số và kết hợp nhiều công nghệ, dẫn đến sự thay đổi chưa từng có tiền lệ trong mô hình kinh tế - xã hội; tác động hệ thống, bao gồm sự chuyển đổi của toàn bộ hệ thống, khắp các quốc gia, các doanh nghiệp, các ngành, các lĩnh vực và toàn xã hội. Để thực hiện thành công cuộc cách mạng này, các nước phải thực hiện “*chuyển đổi số*”. Kinh nghiệm của những lần chuyển đổi công nghệ trước đây đã cho thấy, những nước đi đầu trong ứng dụng và phát triển công nghệ mới sẽ luôn là những nước thịnh vượng, phát triển nhất.

Chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ trên toàn cầu, trở thành xu hướng tất yếu trong phát triển kinh tế và xã hội. Theo báo cáo của McKinsey & Company năm 2021, 10 xu hướng công nghệ lớn dự kiến sẽ định hình tương lai thị trường và các ngành công nghiệp trong vài thập kỷ tới, bao gồm:

- Internet di động (Mobile Internet): Thúc đẩy các mô hình kinh doanh mới như nền kinh tế ứng dụng, dịch vụ OTT và thương mại di động.
- Trí tuệ nhân tạo (AI) và Machine Learning: Tăng cường khả năng phân tích dữ liệu và tự động hóa quy trình.
- Internet vạn vật (IoT): Kết nối các thiết bị và hệ thống, tạo ra mạng lưới thông minh.
- Công nghệ đám mây (Cloud Computing): Cho phép lưu trữ và xử lý dữ liệu linh hoạt, giảm chi phí hạ tầng.
- Công nghệ chuỗi khối (Blockchain): Đảm bảo tính minh bạch và bảo mật trong giao dịch.
- Thực tế ảo và tăng cường (VR/AR): Cải thiện trải nghiệm người dùng trong nhiều lĩnh vực.

(7). Công nghệ sinh học (Biotechnology): Đột phá trong y tế và nông nghiệp.

(8). Năng lượng tái tạo (Renewable Energy): Hướng tới phát triển bền vững.

(9). In 3D (3D Printing): Cách mạng hóa sản xuất và thiết kế.

(10). An ninh mạng (Cybersecurity): Bảo vệ dữ liệu và hệ thống trước các mối đe dọa.

Nhận thức được tầm quan trọng của chuyển đổi số, nhiều nước đã xây dựng và triển khai các chiến lược/chương trình quốc gia về chuyển đổi số, như: Anh, Úc, Đan Mạch, Estonia, Israel, Mexico, Singapore, Thái Lan, Uruguay,... Nội dung chuyển đổi số của các nước tuy có khác nhau và phụ thuộc vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của mỗi nước nhưng đều hướng tới các trụ cột sau: (1) Chuyển đổi số nền kinh tế (kinh tế số), gồm: Phát triển các doanh nghiệp số; chuyển đổi số cho các doanh nghiệp truyền thống hướng tới sản phẩm tích hợp số; chuyển đổi mô hình kinh doanh trên nền tảng số; thay đổi quy trình sản xuất dựa trên dữ liệu số, tự động hóa, ảo hóa,...; phát triển tài chính số; phát triển thương mại điện tử; chuyển đổi số trong một số ngành kinh tế trọng điểm, như: Nông nghiệp, du lịch, điện lực, giao thông,... (2) Chuyển đổi số xã hội (xã hội số), trong đó tập trung vào các lĩnh vực như: Ứng dụng công nghệ số để nâng cao chất lượng dịch vụ, giảm khoảng cách xã hội, như: Giáo dục, y tế, văn hóa, an toàn an ninh xã hội,... (3) Chuyển đổi số trong cơ quan Chính phủ (Chính phủ số), hướng tới cung cấp dịch vụ công thuận tiện cho người dân, tăng cường sự tham gia người dân trong các hoạt động cơ quan Nhà nước; đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan Nhà nước; phát triển dữ liệu mở của các cơ quan Nhà nước phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Để thực hiện chuyển đổi số theo các lĩnh vực trên, các nước cũng xác định các yếu tố nền tảng cần bảo đảm như: Phát triển hạ tầng số - phát triển mạng di động thế hệ mới, kết nối cáp quang đến các gia đình, doanh nghiệp, cung cấp wifi miễn phí tại khu vực công cộng, phát triển điện toán đám mây, hạ tầng internet kết nối vạn vật, dữ liệu lớn,...; phát triển lực lượng lao động có kỹ năng số; đẩy mạnh công tác nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng các công nghệ số mới; xây dựng khung pháp lý để bảo đảm môi trường an toàn, tin cậy, thúc đẩy chuyển đổi số.

## 2. Bối cảnh của Việt Nam về chuyển đổi số

Ở Việt Nam, định hướng lãnh đạo và khung khổ pháp lý cho chuyển đổi số cũng đã được xác lập rất rõ trong các văn bản của Đảng và Nhà nước như: Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng khẳng định, cùng với khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo, **“chuyển đổi số”** là một trong ba trụ cột và là khâu đột phá chính góp phần tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế, đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững; Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 (Nghị quyết 52-NQ/TW); Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình

Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030,... Với mục tiêu là đến năm 2030 “Việt Nam trở thành quốc gia số, ổn định và thịnh vượng, tiên phong và thử nghiệm các mô hình mới; đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của Chính phủ, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức sống, làm việc của người dân, phát triển môi trường số an toàn, nhân văn, rộng khắp” với mục tiêu kép là “vừa phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, vừa hình thành các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam có năng lực toàn cầu”. Trong thời gian qua, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã tập trung đẩy mạnh công cuộc chuyển đổi số; nhiều tỉnh đã ban hành Nghị quyết của Đảng và Đề án của chính quyền để lãnh đạo và tổ chức thực hiện; có thể nói khí thế chuyển đổi số đang lên cao và lan tỏa rộng rãi trong hệ thống chính trị các cấp, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân; chuyển đổi số bước đầu có bước chuyển rõ nét góp phần phát triển thúc đẩy kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị ngày càng trong sạch, vững mạnh, từng bước nâng cao sự hài lòng và hạnh phúc của Nhân dân.

Cầm nang chuyển đổi số của Bộ Thông tin và Truyền thông định nghĩa: *Chuyển đổi số là quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện của cá nhân, tổ chức về cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất dựa trên công nghệ số.* Đây cũng là sự khác biệt giữa ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và chuyển đổi số; ứng dụng CNTT là tối ưu hóa quy trình đã có, theo mô hình hoạt động đã có, để cung cấp dịch vụ đã có, còn chuyển đổi số là thay đổi quy trình mới, thay đổi mô hình hoạt động mới, để cung cấp dịch vụ mới hoặc cung cấp dịch vụ đã có theo cách mới. Chuyển đổi số không phải chỉ là vấn đề công nghệ mà còn là vấn đề nhận thức và thói quen.

### **3. Tính cấp thiết xây dựng Đề án**

Ngày 18/3/2022, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Thuận (khóa XIV) ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TU về chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (Nghị quyết số 10-NQ/TU), ngày 04/5/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 1282/KH-UBND về thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU với mục tiêu “*Chuyển đổi số đồng bộ, toàn diện, trọng tâm là phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; đổi mới căn bản, toàn diện về phương pháp, cách thức hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của hệ thống chính trị, quản trị nhà nước, doanh nghiệp và phương thức sống, làm việc của người dân thông qua chuyển đổi số. Phát triển kinh tế số góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh cao hơn. Phấn đấu đến năm 2030, tỉnh Bình Thuận nằm trong nhóm 20 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước về chuyển đổi số*”; cùng với yêu cầu thực hiện đạt kết quả cụ thể, rõ nét đối với 09 lĩnh vực ưu tiên về chuyển đổi số, gồm: Sản xuất công

ng nghiệp, nông nghiệp, du lịch, thương mại, tài nguyên và môi trường, tài chính - ngân hàng, y tế, giáo dục và đào tạo, hành chính công.

Ngày 16/9/2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 34/CT-TTg về việc xây dựng đề án chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương. Trong đó, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: *Cần cử vào phương pháp tiếp cận và bài học kinh nghiệm triển khai thành công Đề án 06, mỗi bộ, ngành, địa phương nghiên cứu tìm ra mũi đột phá cho mình, xây dựng một đề án về chuyển đổi số có tính chất tương tự như Đề án 06 và bảo đảm kết nối với Đề án 06, tập trung chỉ đạo thực hiện xong và thành công trong thời gian từ nay đến hết năm 2025, phù hợp với Chương trình chuyển đổi số quốc gia, các chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số, Chiến lược dữ liệu quốc gia, Đề án 06 và các chiến lược, chương trình, đề án, kế hoạch chuyển đổi số khác của bộ, ngành, địa phương.*

Đề đạt được mục tiêu nêu trên yêu cầu đặt ra là phải xây dựng đề án và xác định rõ nhiệm vụ, lộ trình phù hợp gắn với yêu cầu phân bổ các nguồn lực. Đề án chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2025 - 2030 sẽ phản ánh rõ nét tầm nhìn, nhiệm vụ và giải pháp trong năm 2025 và nhiều năm tới, đẩy mạnh sáng tạo, phát triển đột phá công nghệ kỹ thuật số, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và nguyện vọng người dân trong giai đoạn mới. Do đó, việc xây dựng và ban hành Đề án “Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2025 - 2030” để giải quyết vấn đề nêu trên là rất cấp thiết.

## **II. CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

### **1. Cơ sở lý luận**

Chuyển đổi số là quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện của cá nhân, tổ chức về cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất dựa trên công nghệ số. Chuyển đổi số được Đảng ta xác định là cơ hội bứt phá để Việt Nam nhanh chóng bắt kịp các nước phát triển, là phương thức đột phá để thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững. Nhận thức được tầm quan trọng của chuyển đổi số trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 (CMCN 4.0), Việt Nam đang nỗ lực thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, coi chuyển đổi số là một trong những nhân tố quan trọng, tạo bước đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập ngày càng sâu, rộng vào nền kinh tế thế giới. Là một quốc gia phát triển sau, Việt Nam cần phải tận dụng những lợi thế của chuyển đổi số để hiện đại hóa các lĩnh vực của đời sống xã hội, tăng khả năng cạnh tranh, thu hẹp khoảng cách số với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Nhằm hiện thực hóa định hướng trên, Nghị quyết số 52/NQ-TW đã nhận định rõ về những ưu thế của cuộc CMCN 4.0 và việc đổi mới mô hình tăng trưởng trên cơ sở, nền tảng chuyển đổi số khi khẳng định: Tận dụng có hiệu quả các cơ

hội do cuộc CMCN 4.0 đem lại để thúc đẩy quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế,..., phát triển mạnh mẽ kinh tế số, phát triển nhanh và bền vững dựa trên khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và nguồn nhân lực chất lượng cao để đến năm 2025, kinh tế số chiếm 20% GDP và đến năm 2030 là 30% GDP.

Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng, các khái niệm về kinh tế số, xã hội số, chuyển đổi số cũng đã được đưa ra trong mục tiêu và quan điểm phát triển kinh tế và xã hội. Văn kiện đã chỉ rõ: Phấn đấu đến năm 2030 hoàn thành xây dựng chính phủ số, kinh tế số đạt khoảng 30% GDP và đứng trong nhóm 50 quốc gia hàng đầu thế giới và xếp thứ 3 trong khu vực ASEAN về Chính phủ số và kinh tế số. Từ đó, Đảng ta cũng đã chỉ ra định hướng mang tính chiến lược: “Chú trọng phát triển hạ tầng viễn thông, tạo nền tảng chuyển đổi số quốc gia, từng bước phát triển kinh tế số và xã hội số”. Hiện thực hóa những chủ trương trên, ngày 03/6/2020, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 với ba trụ cột chính: Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

Một trong những nhiệm vụ trọng tâm, đột phá phát triển theo Quyết định số 1701/QĐ-TTg ngày 27/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 là: Phát triển, nâng cao năng lực khoa học và công nghệ, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, chuyển đổi số trong quản lý, phát triển kinh tế - xã hội. Đưa dịch vụ khoa học và công nghệ trở thành yếu tố quan trọng đóng góp cho tăng trưởng kinh tế tỉnh trong kỳ quy hoạch. Xác định phương hướng phát triển Chuyển đổi số, phát triển kinh tế số: Thực hiện chuyển đổi số đồng bộ, toàn diện, trọng tâm là phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; đổi mới căn bản, toàn diện về phương pháp, cách thức hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của hệ thống chính trị, quản trị nhà nước, doanh nghiệp và phương thức sống, làm việc của người dân.

Có thể nói quan điểm, định hướng về chuyển đổi số được nêu trong Nghị quyết Đại hội XIII và Nghị quyết số 52-NQ/TW; các chiến lược của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông, các bộ, ban, ngành Trung ương; Nghị quyết số 10-NQ/TU là cơ sở lý luận quan trọng làm tiền đề cho việc xây dựng **Đề án Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2025 - 2030**.

## **2. Cơ sở chính trị**

- Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;
- Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;
- Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 18/3/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Thuận (khóa XIV) về chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

### **3. Cơ sở pháp lý**

- Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;
- Luật An ninh mạng ngày 12/6/2018;
- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/04/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;
- Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;
- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/06/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 2289/QĐ-TTg, ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chiến lược quốc gia về cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030;
- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/06/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 06/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030;
- Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030;
- Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 16/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng đề án chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương;
- Quyết định số 1701/QĐ-TTg ngày 27/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 2568/QĐ-BTTTT ngày 29/12/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông Ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 3.0, hướng tới Chính phủ số.

## **II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG CỦA ĐỀ ÁN**

### **1. Phạm vi của Đề án**

- Về không gian: Trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.



- Thời gian: Triển khai giai đoạn 2025 - 2030.

## 2. Đối tượng của Đề án

Các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

## Phần II

### HIỆN TRẠNG CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA TỈNH BÌNH THUẬN

#### I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2022 - 2024

##### 1. Phát triển hạ tầng số

- *Hạ tầng viễn thông và internet*: Hệ thống truyền dẫn cáp quang, mạng internet băng rộng, di động được đầu tư nâng cấp, phát triển phủ sóng đến mọi địa bàn dân cư; các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh tiếp tục quan tâm đầu tư nâng cấp, phát triển hạ tầng băng thông rộng chất lượng cao, hạ tầng mạng di động 4G, 5G đáp ứng yêu cầu xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số và xã hội số của tỉnh<sup>(1)</sup>.

- *Hạ tầng dữ liệu*: Cơ sở dữ liệu (CSDL) chuyên ngành từng bước được xây dựng, phát triển; một số CSDL đã phát triển hoàn thiện<sup>(2)</sup> kết nối, tích hợp với các CSDL quốc gia, CSDL của các bộ, ngành theo quy định. Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) của tỉnh đã kết nối, tích hợp, khai thác hiệu quả dữ liệu của các hệ thống thông tin, CSDL quốc gia, bộ, ngành Trung ương qua trục kết nối, tích hợp dữ liệu quốc gia (NDXP); phát triển kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh, tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia; phát triển dữ liệu số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC. Triển khai thử nghiệm nền tảng kho dữ liệu tập trung của tỉnh, Cổng dữ liệu mở tỉnh.

- *Hạ tầng vật lý - số*: Hệ thống mạng máy tính nội bộ (LAN), thiết bị CNTT phục vụ công tác chuyên môn được các sở, ngành và địa phương tiếp tục đầu tư, nâng cấp nhằm đáp ứng yêu cầu xử lý công việc ngày càng cao (*chi tiết tại Phụ lục II kèm theo*); hệ thống hội nghị truyền hình của tỉnh được đầu tư mở rộng, hoàn thiện đến cấp xã<sup>(3)</sup>; Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh hoàn thành việc nâng cấp và vận hành ổn định, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin mạng.

<sup>(1)</sup> Đến hết Quý II/2024: Toàn tỉnh có 4.474 trạm BTS. Trong đó: 1.027 trạm BTS 2G, 1.702 trạm BTS 3G, 1.738 trạm BTS 4G, 07 trạm BTS 5G; Tỷ lệ dân số được phủ sóng mạng di động 3G, 4G đạt 99,9%; Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối băng rộng cố định (internet cáp quang) đạt 96,02%; Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 80,31%.

<sup>(2)</sup> CSDL cán bộ, công chức, viên chức; CSDL TTHC; CSDL Hộ tịch; CSDL doanh nghiệp; CSDL bảo hiểm xã hội.

<sup>(3)</sup> Gồm 136 điểm cầu: 02 điểm cầu tại Ủy ban nhân dân tỉnh, 10/10 điểm cầu tại Ủy ban nhân dân cấp huyện và 124/124 điểm cầu tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Hạ tầng tiện ích số và Công nghệ số: Hệ thống thông tin, nền tảng số dùng chung và chuyên ngành tiếp tục được xây dựng, phát triển hoàn thiện và đưa vào khai thác, sử dụng đem lại hiệu quả, đáp ứng yêu cầu xử lý công việc trên môi trường số<sup>(4)</sup>; Công thông tin điện tử tỉnh, trang thông tin điện tử của các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã được triển khai đồng bộ.

## 2. Chính quyền số

- Các sở, ngành và địa phương tiếp tục quan tâm đầu tư, nâng cấp bổ sung trang thiết bị để đáp ứng yêu cầu xử lý công việc chuyên môn trên môi trường số; các hệ thống thông tin, nền tảng số dùng chung và chuyên ngành tiếp tục được xây dựng, phát triển hoàn thiện và đưa vào khai thác, sử dụng đem lại hiệu quả, đáp ứng yêu cầu xử lý công việc trên môi trường số.

- Trung tâm Điều hành đô thị thông minh tỉnh<sup>(5)</sup> đang được sử dụng thử nghiệm (riêng Ứng dụng Công dân số Bình Thuận đã triển khai sử dụng thử nghiệm trên phạm vi toàn tỉnh kể từ ngày 19/4/2024, đến thời điểm hiện nay với hơn 8.500 lượt cài đặt ứng dụng).

- Tất cả các sở, ngành và địa phương cấp huyện, cấp xã thực hiện tiếp nhận, luân chuyển, xử lý văn bản, hồ sơ trên môi trường điện tử.

## 3. Kinh tế số

- Số lượng doanh nghiệp hoạt động liên quan đến lĩnh vực chuyển đổi tiếp tục được phát triển<sup>(6)</sup>; số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số<sup>(7)</sup>, doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử, nộp thuế điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh ngày càng phát triển theo xu thế chung của cả nước<sup>(8)</sup>.

<sup>(4)</sup> Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống thông tin giải quyết TTHC; Hệ thống thư điện tử công vụ; Hệ thống xác thực người sử dụng dùng chung trên phạm vi toàn tỉnh (SSO); Hệ thống thông tin báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ phần mềm “Chuẩn hóa, tạo lập cơ sở dữ liệu nông thôn tinh”; ứng dụng công nghệ viễn thám, sử dụng ảnh vệ tinh phục vụ công tác quản lý, giám sát tài nguyên rừng trên địa bàn tỉnh; ứng dụng CNTT trên thiết bị di động phục vụ tuần tra, quản lý, xác minh, giám sát, tài nguyên rừng trên địa bàn tỉnh Bình Thuận; số hóa quy trình xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; Ứng dụng công nghệ viễn thám, sử dụng ảnh vệ tinh phục vụ công tác quản lý, giám sát, khai thác tài nguyên khoáng sản; phần mềm quản lý hoạt động cấp phép, giám sát khai thác tài nguyên nước; sử dụng Phần mềm Quản lý dữ liệu quan trắc tự động (Envisoft); Hệ thống thông tin quản lý Trạm Y tế; Hệ thống thông tin kết nối mạng các cơ sở cung ứng thuốc; Phần mềm kê đơn thuốc điện tử; Hệ thống thông tin quản lý khám bệnh, chữa bệnh; triển khai Hệ thống thông tin quản lý ngành giáo dục (VN-edu) đã triển khai sử dụng cho 746 trường, đạt 100% các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh;...

<sup>(5)</sup> Trung tâm Điều hành đô thị thông minh tỉnh đang triển khai thí điểm gồm 06 phân hệ: (1). Hệ thống phân ánh hiện trường; (2). Điều hành lĩnh vực hành chính công; (3). Điều hành lĩnh vực y tế; (4). Điều hành lĩnh vực giáo dục; (5). Điều hành kinh tế - xã hội; (6). Giám sát thông tin trên môi trường mạng.

<sup>(6)</sup> Theo số liệu do Bộ Thông tin và Truyền thông cung cấp, đến hết năm 2023: (1). Số lượng doanh nghiệp công nghệ số (Số lượng doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông - CNTT): 115 doanh nghiệp; (2). Số lượng doanh nghiệp nền tảng số: 46 doanh nghiệp.

<sup>(7)</sup> Theo số liệu do Bộ Thông tin và Truyền thông cung cấp, đến hết năm 2023: có 2.959 doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số (chiếm tỷ lệ 51,87%).

<sup>(8)</sup> Từ ngày 01/01/2024 đến 25/08/2024 toàn tỉnh có 7.720 doanh nghiệp, tổ chức, hộ kinh doanh đang hoạt động đã áp dụng hóa đơn điện tử với hơn 69 triệu hóa đơn điện tử; Từ ngày 01/01/2024 đến 25/08/2024 đã có 595/602 doanh nghiệp, hộ kinh doanh đang hoạt động đã áp dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền, đạt tỷ lệ 98,8%;

- Các dịch vụ thanh toán trực tuyến trên thiết bị di động, ngân hàng số tiếp tục được phát triển và chất lượng dịch vụ ngày càng được nâng cao; các doanh nghiệp Viettel, VNPT và Mobifone tăng cường triển khai dịch vụ Mobile Money cho phép khách hàng dùng tài khoản viễn thông để thực hiện nhiều giao dịch, dịch vụ góp phần thúc đẩy phát triển thanh toán không dùng tiền mặt.

- Hoạt động thương mại điện tử từng bước phát triển; hoàn thành xây dựng, nâng cấp và đưa vào sử dụng Sàn thương mại điện tử Bình Thuận, Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm OCOP, công nghiệp nông thôn tiêu biểu và đặc trưng thế mạnh tỉnh Bình Thuận<sup>(9)</sup>; các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh được hỗ trợ đưa các sản phẩm nông sản của tỉnh tham gia giao dịch tại các sàn thương mại điện tử lớn như: Shopee, Lazada, Sendo, Tiki,...

#### **4. Xã hội số**

Triển khai phát triển dữ liệu công dân số được đẩy mạnh, đến nay đạt được một số kết quả quan trọng, tạo tiền đề phát triển xã hội số, cụ thể:

- Tính đến ngày 30/6/2024, toàn tỉnh đã thu nhận 1.279.329 hồ sơ căn cước công dân; trong đó, đã thu nhận hồ sơ cấp lần đầu cho 1.187.273 nhân khẩu thường trú đủ điều kiện. Đến hết quý III năm 2024: đã thu nhận 842.484 hồ sơ định danh điện tử, kích hoạt 676.367 tài khoản và cấp 183.423 mã định danh cá nhân cho trẻ em. Tỷ lệ dân số có danh tính số đạt 81,42%.

- Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản thanh toán đang còn hoạt động tại các chi nhánh ngân hàng trên địa bàn đạt khoảng 95,2% và tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản thanh toán đang còn hoạt động có đăng ký sử dụng các dịch vụ thanh toán điện tử đạt khoảng 73,5%.

- Số liệu hồ sơ sức khỏe điện tử đã được khởi tạo, định danh cho bệnh nhân nội tỉnh và ngoại tỉnh là 1.386.892 hồ sơ. Tỷ lệ dân số có hồ sơ sức khỏe điện tử đã được khởi tạo hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 92 % tổng dân số.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 80,31%.

#### **5. Công tác quản lý, bảo đảm an toàn, an ninh mạng**

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản nhằm triển khai có hiệu quả các phương án ứng phó kịp thời khi gặp sự cố mất an toàn thông tin mạng, bảo đảm an toàn thông tin mạng cho các hệ thống thông tin quan trọng trong các cơ

---

Tính đến nay toàn tỉnh có 6.140 doanh nghiệp đang hoạt động trong đó có 6.055 doanh nghiệp hoàn thành đăng ký nộp thuế điện tử qua công của Tổng cục Thuế và ngân hàng thương mại (99,1% doanh nghiệp doanh nghiệp đã đăng ký tham gia sử dụng dịch vụ với cơ quan thuế; 98,62% doanh nghiệp hoàn thành đăng ký dịch vụ với ngân hàng); Trong 06 tháng đầu năm 2024: Thu thuế, phí, lệ phí với giá trị 6.993 tỷ đồng/154.833 giao dịch; thu tiền điện với giá trị là 1.681 tỷ đồng/823.665 giao dịch; thu tiền nước với giá trị là 78,8 tỷ đồng/222.774 giao dịch; thu học phí với giá trị là 29,5 tỷ đồng/7.346 giao dịch; thu viện phí với giá trị 0,43 tỷ đồng/222 giao dịch; chi trả lương hưu, trợ cấp ốm đau, thai sản, trợ cấp an sinh xã hội với giá trị 1.671 tỷ đồng/126.514 giao dịch.

<sup>(9)</sup> Có 82 doanh nghiệp đăng ký tham gia với hơn 226 sản phẩm các loại, 147 sản phẩm của các cơ sở được tạo QR Code để truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

quan, đơn vị, địa phương<sup>(10)</sup>; triển khai kịp thời công tác đảm bảo an toàn thông tin theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông; thực hiện giám sát an toàn thông tin qua SOC tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh<sup>(11)</sup>.

Phản mềm, thiết bị bảo mật tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh thường xuyên mua sắm, nâng cấp, bổ sung để đáp ứng yêu cầu về đảm bảo an toàn thông tin mạng, an ninh mạng theo quy định; theo dõi, rà soát, ngăn chặn nguy cơ tấn công, cảnh báo lỗ hổng bảo mật, sao lưu dữ liệu các ứng dụng dùng chung. Triển khai hoàn thành phê duyệt an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 23/02/2024<sup>(12)</sup>.

Đội ứng cứu sự cố máy tính tỉnh đã chủ động phối hợp với các bộ phận nghiệp vụ của Công an tỉnh kịp thời thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng khi có sự cố xảy ra<sup>(13)</sup>; tham gia diễn tập theo mạng lưới ứng cứu sự cố máy tính quốc gia do Cục An toàn thông tin (Bộ Thông tin và Truyền thông) tổ chức và điều phối nhằm nâng cao năng lực chuyên môn và gắn kết hoạt động của mạng lưới ứng cứu sự cố máy tính quốc gia.

## **6. Đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực**

Thực hiện kiện toàn tổ chức bộ máy các cấp chính quyền, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số theo Kế hoạch số 2981/KH-UBND ngày 08/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh; hiện nay, các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện đều bố trí 01 chuyên viên phụ trách CNTT, chuyển đổi số (chuyên viên quản trị mạng) tại đơn vị; 100% cán bộ, công chức, viên chức của các sở, ngành và địa phương có kỹ năng cơ bản sử dụng, khai thác các hệ thống thông tin, nền tảng số trong hoạt động chuyên môn.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng về chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt được quan tâm triển khai và thực hiện thường xuyên, bằng nhiều hình thức phù hợp theo Kế hoạch số 1252/KH-UBND, ngày 28/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn

<sup>(10)</sup> Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 16/01/2023 về ứng phó sự cố, bảo đảm an toàn thông tin mạng trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh; Công văn số 1257/UBND-KGVXNV ngày 09/4/2024 triển khai Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 23/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tuân thủ quy định pháp luật và tăng cường bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; Công văn số 1385/UBND-KGVXNV ngày 17/4/2024; triển khai Công điện số 33/CD-TTg ngày 07/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường bảo đảm an toàn thông tin mạng; Công văn số 3575/UBND-KGVXNV ngày 25/9/2024 chỉ đạo triển khai đánh giá an toàn thông tin mạng và phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin.

<sup>(11)</sup> Triển khai gồm 19 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện. Qua thời gian thí điểm, đến nay hệ thống ghi nhận có 3.565 máy tính kết nối, chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC).

<sup>(12)</sup> 100% hệ thống thông tin đã được phê duyệt theo cấp độ. Trong đó, cấp độ 1: 126 hệ thống, cấp độ 2: 36 hệ thống, cấp độ 3: 4 hệ thống; tất cả dữ liệu về phê duyệt cấp độ đã được cập nhật trên hệ thống của Cục An toàn thông tin.

<sup>(13)</sup> Thực hiện kiểm tra, đánh giá và khắc phục kịp thời sự cố mất an toàn thông tin mạng đối với người dùng sử dụng tài khoản trong Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh đề khai thác CSDL quốc gia về dân cư; kiểm tra, đánh giá và ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng tại huyện Phú Quý, Sở Giao thông vận tải, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã La Gi.

nhân lực Chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

## 7. Các lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số

### 7.1. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp:

Các doanh nghiệp hoạt động sản xuất công nghiệp đã chủ động, tăng cường ứng dụng công nghệ số trong quản lý, vận hành và sản xuất thông minh; sử dụng phù hợp các nền tảng số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh tạo ra các sản phẩm ngày càng chất lượng.

Tuy nhiên, CSDL về các khu, cụm công nghiệp, về tiềm năng phát triển công nghiệp, nhất là công nghiệp năng lượng, công nghiệp công nghệ cao, công nghệ thông minh chưa được triển khai xây dựng.

### 7.2. Lĩnh vực nông nghiệp:

Triển khai, sử dụng các phần mềm, nền tảng số phục vụ hoạt động chuyên môn của ngành theo chỉ đạo, triển khai của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn<sup>(14)</sup>. Triển khai phần mềm “Chuẩn hóa, tạo lập cơ sở dữ liệu nông thôn tỉnh”; ứng dụng công nghệ viễn thám, sử dụng ảnh vệ tinh phục vụ công tác quản lý, giám sát tài nguyên rừng trên địa bàn tỉnh; ứng dụng CNTT trên thiết bị di động phục vụ tuần tra, quản lý, xác minh, giám sát, tài nguyên rừng trên địa bàn tỉnh Bình Thuận; số hóa quy trình xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

Tuy nhiên, một số CSDL về trồng trọt, chăn nuôi, khai thác, nuôi trồng và đánh bắt thủy sản chưa được triển khai xây dựng; phát triển nền tảng số, chuyển đổi số trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh đạt kết quả chưa cao; cung cấp thông tin về môi trường, thời tiết, cảnh báo thiên tai, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi chưa được triển khai.

7.3. Lĩnh vực du lịch: Xây dựng và đưa vào khai thác, sử dụng Cổng Thông tin du lịch thông minh tỉnh Bình Thuận với tên miền “muinevietnam.vn” và ứng dụng di động trên nền tảng Android và iOS với tên “Bình Thuan Tourism”; tích hợp các CSDL ngành du lịch và bản đồ số về du lịch Bình Thuận, tạo thuận lợi, hỗ trợ du khách chủ động trong việc lên lịch trình, tìm kiếm những địa điểm lưu trú, ẩm thực, góp phần chuyên nghiệp và nâng cao hiệu quả trong hoạt động thông tin, xúc tiến quảng bá du lịch địa phương; phát triển các ứng dụng dựa trên công nghệ thực tế ảo (VR360), sử dụng QR Code để giới thiệu các điểm tham quan đặc trưng của tỉnh; số hóa Khu di tích Căn cứ Tỉnh ủy Bình Thuận trong kháng chiến

<sup>(14)</sup> Hệ thống thông tin thống kê nông nghiệp và phát triển nông thôn; Phần mềm dự tính dự báo sinh vật gây hại; Cơ sở dữ liệu trồng trọt để thực hiện cấp mã số vùng trồng trực tuyến, cấp và quản lý mã số vùng trồng; Phần mềm hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói xuất khẩu; Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu VAHIS (Báo cáo dịch bệnh động vật); Phần mềm Hệ thống VNFISHBASE; Hệ thống Giám sát tàu cá; Cơ sở dữ liệu về nuôi trồng thủy sản và Hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý giống, thức ăn, sản phẩm xử lý môi trường thuộc cơ sở dữ liệu Quốc gia về thủy sản; Phần mềm cập nhật dữ liệu Quan trắc cảnh báo môi trường trong nuôi trồng thủy sản; Phần mềm cập nhật diễn biến rừng FRMS phiên bản nâng cấp 4.0.

chống Mỹ; Bảo tàng Hồ Chí Minh chi nhánh Bình Thuận, Dinh Thầy Thím, Thắng cảnh Bàu Trắng để đưa vào phục vụ Nhân dân và du khách.

#### 7.4. Lĩnh vực thương mại:

Xây dựng, nâng cấp và đưa vào sử dụng sàn thương mại điện tử Bình Thuận (hiện có 82 doanh nghiệp đăng ký tham gia với hơn 226 sản phẩm các loại), Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm OCOP, công nghiệp nông thôn tiêu biểu và đặc trưng thế mạnh tỉnh Bình Thuận (đã có 147 sản phẩm của các cơ sở được tạo QR Code để truy xuất nguồn gốc sản phẩm) phục vụ cơ bản cho hoạt động thương mại điện tử của địa phương.

Tuy nhiên, chưa có mô hình khởi nghiệp kinh doanh thương mại điện tử nổi bật tại địa phương; hoạt động thương mại điện tử phát triển chậm.

#### 7.5. Lĩnh vực tài nguyên và môi trường:

Thực hiện Dự án đo đạc địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu (Dự án 920): hạng mục đo đạc bản đồ địa chính đã hoàn thành 84/91 đơn vị cấp xã, hạng mục đăng ký cấp giấy chứng nhận hoàn thành 66/91 đơn vị cấp xã, hạng mục xây dựng CSDL đất đai hoàn thành 63/91 đơn vị cấp xã; đối với cấp xã đã hoàn thành 654.047 thửa đất/305.672 ha đất được đo đạc đưa vào vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu địa chính. Từng bước xây dựng, phát triển CSDL về đất đai, CSDL về tài nguyên khoáng sản, CSDL về tài nguyên nước, phát triển bản đồ số toàn ngành tài nguyên và môi trường; triển khai xây dựng một số hệ thống thông tin phục vụ hoạt động quản lý nhà nước như: Ứng dụng công nghệ viễn thám, sử dụng ảnh vệ tinh phục vụ công tác quản lý, giám sát, khai thác tài nguyên khoáng sản; phần mềm Quản lý hoạt động cấp phép, giám sát khai thác tài nguyên nước; đồng thời đưa vào sử dụng Phần mềm Quản lý dữ liệu quan trắc tự động (Envisoft) của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Tuy nhiên, các CSDL về đất đai, tài nguyên rừng, khoáng sản, nguồn nước, biển và hải đảo, biến đổi khí hậu, khí tượng - thủy văn, bản đồ số hóa toàn ngành tài nguyên và môi trường chưa được xây dựng, phát triển hoàn thành để khai thác, sử dụng hiệu quả (trọng tâm CSDL về đất đai).

7.6. Lĩnh vực tài chính - ngân hàng: Phát triển hoàn thiện kết nối giữa hạ tầng thanh toán điện tử với hạ tầng của các cơ quan thuế, hải quan, kho bạc và các đơn vị cung ứng dịch vụ công trên địa bàn tỉnh để phục vụ yêu cầu phối hợp thu, chi bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt<sup>(15)</sup>; giải pháp phục vụ triển khai thanh toán không dùng tiền mặt được đẩy mạnh triển khai, từng bước đáp ứng yêu cầu của quá trình chuyển đổi số; mạng lưới chấp nhận thanh toán (POS/QR Code) phủ đến hầu hết các điểm kinh doanh, nhà hàng, khách sạn, cửa

---

<sup>(15)</sup> Ước tính đến ngày 31/8/2024, trên địa bàn tỉnh có 208 máy ATM và 1.805 máy POS, các máy POS được kết nối liên thông giữa các ngân hàng.

hàng tiện ích và đang mở rộng dần ra các cơ sở y tế, bệnh viện, trường học; hình thức thanh toán không dùng tiền mặt ngày càng phát triển.

#### 7.7. Lĩnh vực y tế:

Triển khai, sử dụng các phần mềm, nền tảng số phục vụ hoạt động chuyên môn của ngành theo chỉ đạo, triển khai của Bộ Y tế<sup>(16)</sup>; Hệ thống thông tin quản lý Trạm Y tế; Hệ thống thông tin kết nối mạng các cơ sở cung ứng thuốc; Phần mềm kê đơn thuốc điện tử; Hệ thống thông tin quản lý khám bệnh, chữa bệnh (VNPT-HIS); tỷ lệ dân số có hồ sơ sức khỏe điện tử đã được khởi tạo đạt 92 % tổng dân số. CSDL ngành y tế từng bước được hình thành chủ yếu từ các hệ thống thông tin, nền tảng số đang sử dụng; bước đầu cung cấp dữ liệu cơ bản cho Phân hệ điều hành y tế trong IOC Bình Thuận. Thanh toán không dùng tiền mặt trong lĩnh vực y tế được quan tâm triển khai<sup>(17)</sup>.

Tuy nhiên, CSDL của ngành y tế chưa được triển khai xây dựng đồng bộ trong phạm vi toàn ngành. Hồ sơ bệnh án điện tử; nền tảng hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa ở các cơ sở khám, chữa bệnh triển khai xây dựng chưa hoàn thành.

7.8. Lĩnh vực giáo dục và đào tạo: Triển khai, sử dụng các phần mềm, nền tảng số phục vụ hoạt động chuyên môn của ngành theo chỉ đạo, triển khai của Bộ Giáo dục và Đào tạo<sup>(18)</sup>; triển khai Hệ thống thông tin quản lý ngành giáo dục (VN-edu) đã triển khai sử dụng cho 746 trường, đạt 100% các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh; CSDL ngành từng bước được hình thành chủ yếu từ các hệ thống thông tin, nền tảng số đang sử dụng; bước đầu cung cấp dữ liệu cơ bản cho Phân hệ điều hành giáo dục trong IOC Bình Thuận; sử dụng nền tảng số phổ biến phục vụ giảng dạy và học tập.

7.9. Lĩnh vực hành chính công: Trụ sở làm việc, hạ tầng thiết bị, nền tảng số đã được nâng cấp, đầu tư, triển khai thống nhất, đồng bộ tại Trung tâm Hành chính công tỉnh, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã<sup>(19)</sup> đáp ứng yêu cầu giải quyết TTHC; Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh triển khai đồng bộ cả 03 cấp xã, huyện, tỉnh; CSDL về TTHC của tỉnh được phát triển hoàn thiện và đồng bộ với CSDL quốc gia về TTHC phục vụ người dân, doanh nghiệp tra cứu, khai thác. CSDL về giải quyết hồ sơ TTHC, kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân được hình thành, phát triển

<sup>(16)</sup> Các phần mềm báo cáo chuyên ngành trong lĩnh vực y tế dự phòng, khám, chữa bệnh: hệ thống thông tin tiêm chủng mở rộng; hệ thống thông tin phòng, chống bệnh lây nhiễm; hệ thống thông tin phòng, chống bệnh không lây nhiễm; hệ thống thông tin điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone, hệ thống thông tin quản lý người nhiễm HIV INFO 4.0; hệ thống thông tin quản lý chất thải y tế; hệ thống phần mềm báo cáo tai nạn thương tích; hệ thống phần mềm phòng chống dịch bệnh; hệ thống phần mềm Quản lý báo cáo sử dụng kháng sinh và các hệ thống phần mềm khác.

<sup>(17)</sup> Tính đến tháng 8 năm 2024: đạt 4.543 lượt; tổng số tiền viện phí đã thanh toán bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt là 8.846.862.023 đồng.

<sup>(18)</sup> Phần mềm khai thác CSDL ngành của Bộ GDĐT; phần mềm TEMIS để đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên hàng năm; phần mềm Tập huấn đề bồi dưỡng thường xuyên giáo viên hàng năm.

<sup>(19)</sup> Triển khai Đề án nâng cấp bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã theo hướng hiện đại trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019 - 2023.

cung cấp dữ liệu cơ bản cho Phân hệ điều hành lĩnh vực hành chính công trong IOC Bình Thuận. Các chỉ số thành phần về tỷ lệ hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến, số hóa chuyển biến tích cực<sup>(20)</sup>.

## II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

### 1. Kết quả đạt được

- Có sự thay đổi tích cực về nhận thức của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp và cán bộ, công chức, viên chức về chuyển đổi số. Công tác thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức về chuyển đổi số được chú trọng thực hiện với nhiều hình thức đa dạng.

- Các cấp ủy, tổ chức đảng và các sở, ngành, địa phương có nhiều nỗ lực, cố gắng triển khai thực hiện các nhiệm vụ về chuyển đổi số theo Nghị quyết số 10-NQ/TU. Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo triển khai Nghị quyết số 10-NQ/TU gắn với thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg, ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030”, đạt kết quả tích cực.

- Một số cơ chế chính sách thuộc thẩm quyền của tỉnh đã được ban hành, tạo điều kiện để thúc đẩy quá trình chuyển đổi số.

- Hạ tầng thiết bị, hạ tầng kết nối, hạ tầng ứng dụng và hạ tầng dữ liệu số từng bước được đầu tư. Công tác chuyển đổi số của một số ngành, lĩnh vực, địa phương được chú trọng hơn trước. Các hệ thống thông tin, nền tảng số, CSDL tiếp tục được phát triển; Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh tiếp tục được phát triển, mở rộng các kết nối với các CSDL, hệ thống thông tin của các bộ, ngành Trung ương qua NDXP đã phát huy hiệu quả sử dụng; dữ liệu số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC, dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân được phát triển mạnh trong thời gian gần đây. Các chỉ số thành phần về phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công chuyên biến tích cực (chỉ số tỷ lệ hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến, số hóa hồ sơ).

- Thương mại điện tử từng bước được hình thành và phát triển; thanh toán không dùng tiền mặt được triển khai trong nhiều lĩnh vực, với nhiều hình thức đa dạng; dữ liệu công dân số được quan tâm phát triển.

- Công tác an toàn, an ninh thông tin mạng được tăng cường, từng bước đáp ứng yêu cầu.

<sup>(20)</sup> Theo số liệu trên Cổng dịch vụ công quốc gia tính đến ngày 14/10/2024: Bình Thuận xếp thứ 29/63 tỉnh, thành về chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công (tăng 26 bậc so với năm 2023 xếp hạng 55, trong 5 tỉnh có điểm số cải thiện cao nhất so với năm 2023); các chỉ số đều có xu hướng tăng: (1). Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến đạt tỷ lệ 50,8% (năm 2023 đạt tỷ lệ 12%); (2). Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến đạt tỷ lệ 57,96% (năm 2023 đạt tỷ lệ 31,19%); (3). Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đạt tỷ lệ 65,9% (năm 2023 đạt tỷ lệ 26,2%).



## **2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

Bên cạnh những kết quả đạt được như đã nêu trên, hoạt động chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua vẫn còn một số tồn tại, hạn chế sau:

- (1). Kết quả chuyển đổi số của tỉnh nhìn chung chuyển biến chậm so với yêu cầu và có mặt hạn chế so với một số tỉnh, thành trong cả nước.
- (2). Việc đầu tư hạ tầng thiết bị, hạ tầng kết nối, hạ tầng ứng dụng và hạ tầng dữ liệu số chưa đồng đều. Các CSDL chuyên ngành thuộc các lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số chậm được triển khai, chưa hoàn thành để đưa vào sử dụng; Cơ sở dữ liệu để phục vụ người dân thực hiện thủ tục hành chính về đất đai, dân cư chưa được khai thác, sử dụng hiệu quả.
- (3). Nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn về công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh chưa đáp ứng yêu cầu tham mưu, triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số trong bối cảnh hiện nay.
- (4). Một số chỉ tiêu trong Nghị quyết số 10-NQ/TU còn nhiều khó khăn để đạt được.

## **3. Bài học kinh nghiệm**

Quá trình thực hiện chuyển đổi số trong thời gian qua đã khẳng định quyết tâm của cấp ủy, chính quyền các cấp từ tỉnh đến cơ sở đã tích cực, chủ động, mạnh dạn tìm hướng đi cho những việc làm mới. Qua đó, đã rút kết một số bài học kinh nghiệm sau:

- (1). Quyết tâm chính trị, ý thức, trách nhiệm, vai trò của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương trong công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về chuyển đổi số là yếu tố quan trọng.
- (2). Phải xác định nhiệm vụ trọng tâm, lộ trình thực hiện phù hợp để đạt kết quả thực chất, thiết thực tạo sự chuyển biến rõ nét về chuyển đổi số.
- (3). Hạ tầng số phải đi trước và được đảm bảo, đặc biệt là hạ tầng thiết yếu đảm bảo cho triển khai các nền tảng số. Trong đó, hạ tầng dữ liệu số có vai trò quan trọng, cốt lõi để phát triển các nền tảng số, hệ thống thông tin.
- (4). Phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng, lấy đoàn viên thanh niên làm nòng cốt để tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng các nền tảng số với phương châm “đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người”.

## **Phần III NỘI DUNG ĐỀ ÁN**

### **I. TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030**

Chuyển đổi số đồng bộ, toàn diện, trọng tâm là phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; đổi mới căn bản, toàn diện về phương pháp, cách thức hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của hệ thống chính trị, quản trị nhà nước, doanh nghiệp và phương thức sống, làm việc của người dân thông qua chuyển đổi số.

Phát triển kinh tế số góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh cao hơn. Phấn đấu đến năm 2030, tỉnh Bình Thuận nằm trong nhóm 20 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước về chuyển đổi số.

## **II. QUAN ĐIỂM**

1. Chuyển đổi số là nhiệm vụ chiến lược, xuyên suốt, vừa cấp bách, vừa lâu dài; cần phải có lộ trình, bước đi phù hợp, vững chắc, có trọng tâm, trọng điểm, gắn với thực hiện các quy hoạch, kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời, phải tận dụng tối đa cơ hội, điều kiện thuận lợi để đi nhanh, đi trước, không để bị tụt hậu. xác định lộ trình và đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số, nhất là trong một số ngành, lĩnh vực thế mạnh của tỉnh là cơ hội để phát triển và đi trước trong thu hút các nguồn lực.

2. Chuyển đổi số gắn với phát triển đô thị thông minh, cải cách hành chính; đặt người dân, doanh nghiệp vào vị trí trung tâm, hướng tới xây dựng chính quyền kiến tạo phục vụ, mang lại tiện ích, hiệu quả cao nhất cho người dân và doanh nghiệp, góp phần nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh, chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo của các cấp ủy, hiệu lực quản lý của chính quyền các cấp và chất lượng cuộc sống của người dân, thúc đẩy phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh và công bằng xã hội. Ưu tiên chuyển đổi số phục vụ cải cách hành chính, nhất là cải cách hành chính trong các ngành, lĩnh vực có tác động hàng ngày tới người dân, doanh nghiệp nhằm thay đổi nhận thức nhanh, sớm mang lại hiệu quả và tiết kiệm.

3. Phát triển nền tảng số là giải pháp đột phá để thúc đẩy chuyển đổi số nhanh hơn, giảm chi phí, tăng hiệu quả; ứng dụng nền tảng số hướng đến nâng cao chất lượng sống của Nhân dân và sự phát triển của doanh nghiệp. Dữ liệu số là tài sản quan trọng, cần được duy trì, phát triển liên tục và ngày càng hoàn thiện; bảo đảm được chia sẻ giữa các cơ quan nhà nước, minh bạch thông tin, giảm đến mức tối thiểu việc yêu cầu người dân và doanh nghiệp phải cung cấp thông tin. An toàn, an ninh mạng là thành phần xuyên suốt, không thể tách rời và bảo đảm để chuyển đổi số phát triển bền vững.

4. Quá trình chuyển đổi số của tỉnh phải toàn diện, đồng bộ với quá trình chuyển đổi số quốc gia; xác định rõ các công việc cần ưu tiên thực hiện trong từng giai đoạn, phù hợp với đặc điểm, điều kiện của tỉnh, gắn liền với mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an toàn, an ninh mạng và giữ vững quốc phòng - an ninh.

5. Đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và sự đồng thuận của Nhân dân trong quá trình thực hiện chuyển đổi số.

6. Đảm bảo nguồn lực để tổ chức thực hiện, tranh thủ tối đa các nguồn lực xã hội để thực hiện chuyển đổi số; chú trọng kiện toàn tổ chức bộ máy chuyên

trách về chuyển đổi số, phát triển nguồn nhân lực có chất lượng phục vụ hoạt động chuyển đổi số của tỉnh.

7. An toàn thông tin mạng, an ninh mạng là điều kiện tiên quyết, gắn kết, song hành với hoạt động chuyển đổi số trong toàn bộ quá trình thiết kế, thử nghiệm, đánh giá, vận hành, khai thác.

### **III. MỤC TIÊU**

#### **1. Mục tiêu tổng quát**

- Phát triển chính quyền số đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện về phương pháp, cách thức hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của hệ thống chính trị, quản trị Nhà nước.

- Phát triển kinh tế số với trọng tâm là doanh nghiệp, ưu tiên sử dụng các nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực phục vụ hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh; phát triển kinh tế số góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

- Phát triển xã hội số nâng cao chất lượng sống của người dân đi đôi với tạo dựng các giá trị văn hóa phù hợp với thời đại số, tạo điều kiện cho mọi người tiếp cận, tiếp thu có chọn lọc các giá trị văn hóa thế giới, làm giàu đời sống tinh thần của người Việt Nam nói chung và của người Bình Thuận nói riêng.

- Phát triển hạ tầng số đồng bộ, toàn diện và phù hợp với xu thế phát triển công nghệ số hiện đại nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Ưu tiên phát triển hạ tầng viễn thông hiện đại, có dung lượng truyền dẫn cao tại các khu du lịch quốc gia, khu du lịch trọng điểm của tỉnh và các đô thị đông dân cư, trung tâm thương mại, cụm công nghiệp/khu công nghiệp hướng đến mục tiêu kết nối vạn vật (IoT - Internet of Things) tạo nền tảng, điều kiện thuận lợi để phát triển các khu du lịch, khu đô thị,... hiện đại thông minh theo xu thế phát triển chung của quốc gia và toàn cầu.

- Phát triển hạ tầng dữ liệu số đáp ứng yêu cầu của chính quyền số. Trọng tâm, hầu hết các hoạt động của chính quyền đều được thực hiện trên môi trường số; dựa vào dữ liệu để ra quyết định chỉ đạo, điều hành; hình thành, phát triển các Trung tâm điều hành thông minh trong từng ngành, lĩnh vực. Phát triển hoàn thiện dữ liệu số của tất cả các ngành/lĩnh vực đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của tỉnh, đồng thời hoàn thành chỉ tiêu về tỷ lệ dữ liệu số trong từng ngành, lĩnh vực tại Nghị quyết số 10-NQ/TU đã đề ra. Ưu tiên phát triển hoàn thiện các dữ liệu số đối với các lĩnh vực ưu tiên thực hiện chuyển đổi số (tài nguyên và môi trường, y tế, giáo dục và đào tạo, du lịch, nông nghiệp,...). Tập trung nguồn lực để xây dựng hoàn thiện các dữ liệu số có tác động trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính; mọi dữ liệu phải đảm bảo yêu cầu kết nối, tích hợp với các CSDL quốc gia và an toàn, an ninh thông tin. Phát triển kho dữ liệu tập trung của tỉnh trên cơ sở sử dụng, tích hợp các cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

Kho dữ liệu tập trung của tỉnh là nguồn dữ liệu chính để cung cấp cho Trung tâm điều hành thông minh; hỗ trợ ra quyết định dựa vào dữ liệu; từ kho dữ liệu tập trung của tỉnh xây dựng Cổng dữ liệu mở của tỉnh để cung cấp dữ liệu cho người dân, tổ chức và doanh nghiệp.

- Phát triển các nền tảng số phục vụ hoạt động chuyên môn đối với tất cả các ngành, lĩnh vực (ưu tiên phát triển các nền tảng dùng chung, các nền tảng phục vụ hoạt động của các ngành: tài nguyên và môi trường, du lịch, y tế, giáo dục và đào tạo, nông nghiệp,...); hoạt động các nền tảng số phải dựa trên nguồn dữ liệu số chuyên ngành, kho dữ liệu tập trung của tỉnh là cốt lõi; chức năng các nền tảng số phải theo định hướng kết nối, đồng bộ các nguồn dữ liệu khác nhau. Nghiên cứu, phát triển, ứng dụng hiệu quả các lĩnh vực công nghệ số quan trọng (AI- trí tuệ nhân tạo, IoT - internet vạn vật, Bigdata - dữ liệu lớn, Cloud Computing - điện toán đám mây, Blockchain - chuỗi khối) vào các nền tảng số phục vụ chính quyền số, kinh tế số và xã hội số của tỉnh; phát triển các nền tảng số thực hiện thu thập, tổng hợp và phân tích, đánh giá, dự báo theo các yêu cầu đa dạng trong công tác quản lý, điều hành; phát triển các nền tảng số phục vụ công dân số.

## **2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030**

### **2.1. Phát triển chính quyền số**

- Tỷ lệ dữ liệu số trong từng ngành, lĩnh vực đạt 90%.
- Có 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý Nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.
- Có 100% cơ quan Đảng, Nhà nước cấp tỉnh có nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung, có ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa hoạt động.
- Có 100% Ủy ban nhân dân cấp huyện có Trung tâm Điều hành thông minh được kết nối, tích hợp với Trung tâm Điều hành thông minh.

### **2.2. Phát triển kinh tế số**

- Kinh tế số chiếm 30% GRDP của tỉnh.
- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%.
- Tỷ lệ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sử dụng nền tảng chuyển đổi số đạt 90%.
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng nền tảng hợp đồng điện tử đạt 100%.

### **2.3. Phát triển xã hội số**

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 95%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 70%.
- Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 80%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 70%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt trên 50%.

### **III. NHIỆM VỤ**

#### **1. Chuyển đổi nhận thức**

- Người đứng các cơ quan, tổ chức và địa phương chịu trách nhiệm trực tiếp về chuyển đổi số trong lĩnh vực, địa bàn phụ trách; tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền, người dân và doanh nghiệp về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số; gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với nghị quyết, chương trình, kế hoạch hành động, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tổ chức các khóa tập huấn chuyên đề kiến thức cơ bản về chuyển đổi số, các khóa đào tạo để nâng cao kiến thức, nghiệp vụ quản lý Nhà nước trên nền tảng chuyển đổi số cho các cấp lãnh đạo từ tỉnh đến xã, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị.

- Tổ chức các khóa chuyên sâu và nâng cao về phương thức, công nghệ của chuyển đổi số; phương thức tạo lập, hình thành các hệ thống thông tin trong chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức làm nhiệm vụ chuyên trách CNTT của cơ quan nhà nước cấp tỉnh, huyện; tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm về chuyển đổi số nhằm trao đổi kinh nghiệm, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức cho người dân, doanh nghiệp và toàn xã hội về chuyển đổi số. Tổ chức phổ cập kỹ năng số cho người dân, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan nhà nước và kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân trên không gian mạng.

- Xây dựng các chuyên mục thông tin, tuyên truyền về kế hoạch chuyển đổi số trên báo chí và phương tiện truyền thông của tỉnh.

#### **2. Kiến tạo thể chế**

Xây dựng cơ chế chính sách theo hướng khuyến khích, sẵn sàng chấp nhận sản phẩm, giải pháp, dịch vụ, mô hình kinh doanh số, thúc đẩy phương thức quản lý mới đối với những mối quan hệ mới phát sinh, bao gồm:

- Xây dựng, hoàn thiện các quy định về tính pháp lý của dữ liệu số; quy định số hóa dữ liệu, trong đó chú trọng đến quy định danh mục các dữ liệu cơ quan Nhà nước phải số hóa theo lộ trình đồng thời chuẩn hóa nghiệp vụ trên nền tảng công nghệ để khai thác, vận hành có hiệu quả các dữ liệu được số hóa.

- Xây dựng, cập nhật và hoàn thiện các quy chế khai thác, sử dụng dữ liệu của CSDL tỉnh Bình Thuận; quy định về định danh và xác thực điện tử cho cá nhân, tổ chức; quy định về đảm bảo an toàn thông tin mạng của tỉnh trên nền tảng chính sách chung của quốc gia; quy định về quản trị, giám sát và vận hành cho hệ thống thông tin chính quyền số.

- Thúc đẩy các chính sách ưu tiên doanh nghiệp địa phương thực hiện chuyển đổi số để đồng hành cùng chính quyền trong công cuộc chuyển đổi số, huy động nguồn lực doanh nghiệp đồng thời góp phần thúc đẩy phát triển chất lượng doanh nghiệp CNTT trên địa bàn tỉnh.

- Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đẩy mạnh đầu tư cơ sở hạ tầng CNTT, viễn thông, góp phần phát triển kinh tế số trên địa bàn tỉnh.

### **3. Phát triển hạ tầng số**

#### **3.1. Hạ tầng viễn thông và internet**

- Phát triển hạ tầng băng thông rộng cố định chất lượng cao, hạ tầng mạng di động 5G trên địa bàn tỉnh (ưu tiên phát triển mạng di động 5G tại các khu du lịch quốc gia, khu du lịch trọng điểm của tỉnh và các đô thị đông dân cư, trung tâm thương mại, cụm công nghiệp/khu công nghiệp); đảm bảo phủ sóng 4G tại 100% thôn, bản và tổ dân phố trên địa bàn tỉnh vào năm 2025, tiến tới phủ sóng 5G tại tất cả các xã, phường vào năm 2030.

- Đầu tư vào hạ tầng băng thông rộng chất lượng cao, đảm bảo kết nối đến tất cả cơ quan nhà nước, khu công nghiệp và các đơn vị kinh tế quan trọng trong tỉnh; nâng cấp hệ thống mạng truyền số liệu chuyên dùng (TSLCD) cấp II để đảm bảo an toàn và đồng bộ trên toàn tỉnh.

- Thúc đẩy phát triển “mỗi người dân một điện thoại thông minh, mỗi hộ gia đình một đường Internet cáp quang” nhằm tăng cường tiếp cận công nghệ cho toàn dân.

#### **3.2. Hạ tầng dữ liệu**

- Triển khai Nền tảng xây dựng CSDL chuyên ngành, phát triển kho dữ liệu dùng chung và công dữ liệu mở của tỉnh; phát triển hoàn thiện dữ liệu số của các ngành/lĩnh vực đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của tỉnh, đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu về tỷ lệ dữ liệu số trong từng ngành, lĩnh vực đã đề ra tại Nghị quyết số 10-NQ-TU. Ưu tiên phát triển dữ liệu cho các ngành, lĩnh vực: Tài nguyên và môi trường, du lịch, y tế, giáo dục và đào tạo, nông nghiệp.

- Xây dựng Kho dữ liệu dùng chung và công dữ liệu mở trên cơ sở vừa cung cấp dữ liệu phục vụ công tác điều hành, quản lý và dự báo, cũng như khai thác trực tiếp để xây dựng các ứng dụng mới; đảm bảo yêu cầu có thể kết nối, đồng bộ dữ liệu của tất cả các cơ quan, đơn vị trên toàn tỉnh (bao gồm cả các cơ quan khối Đảng, đoàn thể chính trị - xã hội); thực hiện tái cấu trúc các dữ liệu từ các hệ thống thông tin đang vận hành khai thác của tỉnh, đảm bảo cung cấp, chia sẻ với kho dữ liệu dùng chung của tỉnh trên nguyên tắc dữ liệu phải đảm bảo được nhu cầu sử dụng, có thể được khai thác từ các hệ thống bên ngoài. Trong đó:

+ Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh (tích hợp cơ sở dữ liệu chuyên ngành) sẽ là nguồn cung cấp dữ liệu chính cho hoạt động chỉ đạo, điều hành thông qua Trung tâm Điều hành thông minh.

+ Công dữ liệu mở, cung cấp dữ liệu công khai, minh bạch cho người dân, doanh nghiệp, tích hợp dữ liệu trực tiếp từ Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh.

- Phối hợp với các đơn vị chủ quản dữ liệu tích hợp dữ liệu của tỉnh với cơ sở dữ liệu quốc gia như cơ sở dữ liệu dân cư, bảo hiểm xã hội...; đồng thời tích hợp, chia sẻ dữ liệu với các bộ ngành khác.

### 3.3. Hạ tầng vật lý - số

- Tiếp tục phát triển Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh đảm bảo năng lực triển khai các hoạt động trọng tâm về chuyên đổi số gắn với an toàn, an ninh thông tin theo quy định (triển khai sử dụng hiệu quả nền tảng điện toán đám mây, đảm bảo năng lực lưu trữ; xác định lộ trình phát triển phù hợp).

- Thực hiện đầu tư, nâng cấp trang thiết bị số phù hợp cho cán bộ, công chức, viên chức nhằm đáp ứng yêu cầu xử lý nghiệp vụ trên môi trường số (đảm bảo thiết bị hoạt động ổn định, thông suốt); duy trì, đầu tư thiết bị số cho các cơ quan, đơn vị, địa phương đáp ứng yêu cầu sử dụng chung, phục vụ người dân và doanh nghiệp.

### 3.4. Hạ tầng tiện ích số và công nghệ số

- Xây dựng, nâng cấp các nền tảng, dịch vụ đô thị thông minh của tỉnh (nền tảng trung tâm giám sát, điều hành thông minh; nền tảng giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng; nền tảng trợ lý ảo; ...); tiến hành tích hợp với hệ thống LGSP của tỉnh phục vụ triển khai các dịch vụ và ứng dụng thông minh của tỉnh trên các lĩnh vực. Trọng tâm là phát triển Trung tâm Điều hành thông minh (IOC): Lựa chọn công nghệ hiện đại để xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng IOC, hỗ trợ thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu phục vụ giám sát và điều hành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh; triển khai tích hợp cảm biến và công nghệ Internet vạn vật (IoT) vào các lĩnh vực thiết yếu như giao thông, môi trường, quản lý đô thị, an ninh trật tự,...

- Mở rộng, duy trì các dịch vụ công cộng: Phát triển hệ thống wifi công cộng tại các khu công nghiệp, bệnh viện, trường học, điểm du lịch và khu vực công cộng để đáp ứng nhu cầu tương tác thông tin của người dân và doanh nghiệp; Hỗ trợ cung cấp miễn phí chữ ký số công cộng cho người dân để thúc đẩy giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến.

- Đầu tư vào công nghệ mới: Mở rộng hạ tầng điện toán đám mây, công nghệ Blockchain và các ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để phục vụ chuyên đổi số tại các cơ quan nhà nước; phát triển ứng dụng công nghệ số trong lĩnh vực giao thông, quản lý môi trường và đô thị thông minh để nâng cao hiệu quả quản lý và phục vụ người dân.

- Duy trì, cập nhật, nâng cấp Nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu (LGSP) của tỉnh.

- Xây dựng hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh, hệ thống đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông tới cấp xã nhằm đảm bảo phục vụ công tác truyền thanh cơ sở.

#### **4. Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng**

- Duy trì nâng cao năng lực của Trung tâm SOC (trung tâm điều hành an ninh mạng) của tỉnh, đảm bảo đáp ứng yêu cầu, tiêu chuẩn mới nhất của Việt Nam, tích hợp kết nối với hệ thống giám sát điều hành an toàn, an ninh mạng quốc gia.

- Định kỳ hàng năm triển khai các chương trình đào tạo nâng cao nhận thức về an ninh, an toàn thông tin đến các cán bộ, người lao động trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng mạng lưới đảm bảo an toàn thông tin mạng trên cơ sở nâng cao chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ phụ trách an toàn thông tin kết hợp với nhân sự phụ trách CNTT các doanh nghiệp, tổ chức.

- Tổ chức đánh giá định kỳ mức độ an toàn các hệ thống thông tin; đẩy mạnh các hoạt động bảo đảm an toàn thông tin theo các quy định của nhà nước. Hướng tới mục tiêu tất cả các hệ thống thông tin thuộc cơ quan nhà nước đều được đánh giá phân loại cấp độ an toàn thông tin.

- Ưu tiên nguồn lực, kinh phí bảo đảm an toàn thông tin; sử dụng ít nhất 10% ngân sách chi cho CNTT dành cho công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin mạng.

#### **5. Phát triển nguồn nhân lực số**

- Triển khai thực thi các cơ chế, chính sách: Tổ chức hành động và triển khai quyết liệt và hiệu quả các chính sách, cơ chế phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ chất lượng cao tại tỉnh Bình Thuận.

- Đào tạo, phát triển kỹ năng số trong các cơ quan nhà nước: Tổ chức các khóa đào tạo kỹ năng số cho các cán bộ lãnh đạo, cán bộ công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan nhà nước; cán bộ lãnh đạo, quản lý phải chủ động, tiên phong sử dụng các sản phẩm, dịch vụ số và dẫn dắt quá trình chuyển đổi số. Xây dựng và phát triển mô hình, mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương có ít nhất một nhân sự nòng cốt về chuyển đổi số theo hướng đào tạo tại chỗ từ nguồn nhân lực tại chỗ để từ đó tiếp tục nhân rộng, lan tỏa.

- Đào tạo, phát triển kỹ năng số trong khu vực tư nhân: Tổ chức các khóa đào tạo, phổ biến tri thức, kinh nghiệm về chuyển đổi số cho các doanh nghiệp; đào tạo kỹ năng số cho người lao động trên địa bàn tỉnh, ưu tiên các lĩnh vực kinh tế mũi nhọn, đột phá và các khu đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp quan trọng;

- Phát triển, đổi mới và hiện đại hóa các cơ sở giáo dục đào tạo: Tiếp tục phát triển, hiện đại hóa cơ sở vật chất phục vụ giáo dục đào tạo tại các cơ sở giáo



dục đào tạo tỉnh Bình Thuận như: Đại học Phan Thiết, Cao đẳng Bình Thuận, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khối trường phổ thông; đổi mới, cập nhật các chương trình giáo dục, đào tạo các ngành CNTT, Điện tử, Tự động hóa, Điện tử viễn thông..., chú trọng đào tạo chuyên sâu các công nghệ nổi bật, có tính ứng dụng cao của CMCN 4.0 như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, thực tế ảo, khai phá dữ liệu; đổi mới cập nhật chương trình đào tạo tin học, kỹ năng số tại các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông để hình thành thói quen số, văn hóa số.

#### **6. Phát triển chính quyền số**

- Cập nhật định kỳ Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bình Thuận, hướng tới chính quyền số phù hợp với các quy định hiện hành.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ số trong hoạt động của các cơ quan nhà nước; phát triển các nền tảng, hệ thống dùng chung, nhất là các hệ thống có thể dùng chung toàn tỉnh (bao gồm cả các cơ quan khối Đảng, đoàn thể chính trị - xã hội) như: hệ thống quản lý gửi - nhận văn bản; hệ thống quản lý phục vụ điều hành và tác nghiệp;...

- Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên mọi nền tảng, đặc biệt là các thiết bị di động thông minh, mang đến cho người dân và doanh nghiệp trải nghiệm dịch vụ nhanh chóng, chính xác, không giấy tờ và tiết kiệm chi phí. Quy trình nghiệp vụ thực hiện thủ tục hành chính được số hóa toàn diện, kết hợp rà soát và tối ưu hóa nhằm đơn giản hóa các bước thực hiện. Các tài liệu, video hướng dẫn chi tiết cùng chatbot và trợ lý ảo được tích hợp trên Cổng dịch vụ công của tỉnh, giúp người dân và doanh nghiệp thao tác dễ dàng và thuận tiện.

- Thúc đẩy việc áp dụng công nghệ số trong công tác chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc, cải cách thủ tục hành chính và giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước.

- Phát triển các nền tảng số để tổng hợp và phân tích dữ liệu, dựa trên việc kết nối và khai thác dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Từ đó, xây dựng hệ thống dữ liệu công dân số để phục vụ công tác quản lý.

- Triển khai, nâng cấp, hoàn thiện và đẩy mạnh vai trò giám sát, điều hành của Trung tâm điều hành đô thị thông minh, đảm bảo tính đồng bộ, liên thông và thực sự phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành và ra quyết định quản lý.

#### **7. Phát triển kinh tế số**

- Tập trung thúc đẩy và khuyến khích mở rộng ứng dụng công nghệ số vào các lĩnh vực kinh tế mũi nhọn của tỉnh, bao gồm sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, du lịch, thương mại và dịch vụ. Hỗ trợ các doanh nghiệp và hợp tác xã trong việc đưa sản phẩm OCOP cùng các đặc sản chủ lực của địa phương lên các sàn thương mại điện tử, đồng thời phát triển và khuyến khích các mô hình kinh doanh an toàn trên nền tảng trực tuyến.

- Tổ chức các hoạt động giới thiệu các giải pháp chuyển đổi số của các công ty có thể mạnh trong lĩnh vực công nghệ đến với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, siêu nhỏ trên địa bàn tỉnh, giúp doanh nghiệp nắm bắt cơ hội và triển khai chuyển đổi số hiệu quả; hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, siêu nhỏ ứng dụng công nghệ số để đổi mới phương thức quản trị, cải tiến quy trình sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm, gia tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

- Thúc đẩy thanh toán điện tử không dùng tiền mặt tại mọi ngành lĩnh vực.

- Xây dựng, đề xuất cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp công nghệ số, hỗ trợ doanh nghiệp đẩy mạnh chuyển đổi số để thúc đẩy phát triển mạnh mẽ kinh tế số trên địa bàn tỉnh.

## **8. Phát triển xã hội số**

- Phát triển ứng dụng công dân số Bình Thuận, tích hợp đầy đủ các ứng dụng, dịch vụ và tiện ích trên một nền tảng duy nhất, nhằm phục vụ nhu cầu của người dân và doanh nghiệp. Ứng dụng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận các dịch vụ công, thanh toán trực tuyến, tra cứu thông tin và các tiện ích khác, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Hoàn thiện phát triển dữ liệu công dân số, hướng tới mục tiêu toàn bộ người dân đều sở hữu danh tính số.

- Duy trì đẩy mạnh hiệu quả hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng trong công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số. Tuyên truyền, vận động người dân sử dụng các nền tảng, ứng dụng số phục vụ cuộc sống như VNeid, Sổ sức khỏe điện tử, Vssid, Etax,... Cùng với đó đẩy mạnh hoạt động sử dụng và cài đặt ứng dụng công dân số Bình Thuận.

- Cung cấp dữ liệu mở và từng bước mở các cơ sở dữ liệu chuyên ngành để người dân, doanh nghiệp có thể chủ động tiếp cận, khai thác phục vụ nhu cầu cá nhân và sử dụng cho mục đích phát triển kinh tế - xã hội.

- Triển khai các nền tảng số trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, thư viện phục vụ người dân. Huy động nguồn lực nhà nước và xã hội hóa để đầu tư lắp đặt mạng Internet và các trang thiết bị công nghệ thiết yếu tại các địa điểm công cộng như Nhà văn hóa thôn, bản, tổ dân phố phục vụ nhu cầu tiếp cận thông tin, tiếp cận công nghệ số của nhân dân; thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số tại cơ sở nhanh, thực chất, góp phần nâng cao chỉ số hạnh phúc của người dân.

## **9. Chuyên đổi số lĩnh vực ưu tiên**

### **9.1. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp**

- Phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng các ưu đãi cho các doanh nghiệp trong quá trình chuyển đổi số lĩnh vực sản xuất.

- Xây dựng cơ chế ưu đãi mới cho các khu công nghiệp liên quan đến việc nâng cấp cơ sở hạ tầng và đầu tư nền tảng số cho hoạt động sản xuất.

- Phát triển khu công nghệ cao, đảm bảo sức cạnh tranh, thu hút nhà đầu tư so với các khu công nghệ cao trong nước và trong vùng.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý các khu, cụm công nghiệp, lĩnh vực công nghiệp, thương mại trên địa bàn tỉnh.

- Định hướng, tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp theo hướng chú trọng chuyển đổi số trong quản lý, vận hành và khai thác hạ tầng khu, cụm công nghiệp nhằm nâng cao chất lượng phục vụ sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh và thu hút đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

### 9.2. Lĩnh vực nông nghiệp

- Thực hiện triển khai mạng lưới quan sát và giám sát tích hợp giữa trên không và mặt đất nhằm hỗ trợ các hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp. Ứng dụng các công nghệ tiên tiến như viễn thám, bản đồ vệ tinh 3D để phục vụ công tác dự báo, cảnh báo, quản lý và bảo vệ rừng, đặc biệt là phòng cháy, chữa cháy rừng. Đồng thời, phát triển các kênh thông tin đa chiều giúp người sản xuất tiếp cận phân tích về môi trường, thời tiết, và chất lượng đất đai, qua đó cải thiện năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm nông nghiệp.

- Phát triển các nền tảng số và thương mại điện tử, kết hợp nâng cấp hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông nghiệp. Từng bước hiện đại hóa ngành nông nghiệp thông qua việc ứng dụng công nghệ số để tự động hóa các quy trình sản xuất, kinh doanh, quản lý và giám sát chuỗi cung ứng sản phẩm.

- Huy động nguồn lực từ ngân sách nhà nước, các chương trình mục tiêu quốc gia như xây dựng nông thôn mới và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, kết hợp với các nguồn xã hội hóa và tài trợ hợp pháp để triển khai các chương trình, dự án chuyển đổi số trong nông nghiệp và nông thôn.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp của tỉnh như trồng trọt, chăn nuôi, khai thác, nuôi trồng và đánh bắt thủy sản..., đảm bảo an toàn và bảo mật dữ liệu. Phát triển hệ thống dữ liệu lớn ngành nông nghiệp, tích hợp các nguồn thông tin về đất đai, cây trồng, vật nuôi, thủy sản, cũng như các dữ liệu liên quan từ các ngành khác để phục vụ công tác quản lý và phát triển nông nghiệp bền vững.

### 9.3. Lĩnh vực du lịch

- Xây dựng, phát triển CSDL ngành du lịch: CSDL khu du lịch, điểm du lịch; CSDL cơ sở kinh doanh dịch vụ đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch; CSDL cơ sở lưu trú du lịch; CSDL doanh nghiệp lữ hành; CSDL hướng dẫn viên du lịch; CSDL thông tin xúc tiến quảng bá du lịch.

- Nâng cấp, phát triển Cổng thông tin du lịch thông minh tỉnh Bình Thuận nhằm hỗ trợ công tác quản lý, điều hành du lịch, đồng thời đáp ứng nhu cầu tìm kiếm thông tin về các dịch vụ du lịch cho người dân và du khách.

- Ưu tiên phát triển hạ tầng viễn thông hiện đại, có dung lượng truyền dẫn cao tại các khu du lịch quốc gia, khu du lịch trọng điểm của tỉnh

- Ứng dụng công nghệ số vào lĩnh vực du lịch với các giải pháp hiện đại như công nghệ thực tế ảo (VR 360), trí tuệ nhân tạo (AI), và nền tảng mạng xã hội để hỗ trợ hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch.

- Số hóa các địa điểm du lịch, di tích lịch sử và di sản văn hóa, tạo điều kiện dễ dàng quảng bá qua các nền tảng công nghệ số, giúp du khách dễ dàng tiếp cận thông tin.

- Phát triển các nền tảng số thực hiện thu thập, tổng hợp và phân tích, đánh giá, dự báo theo các yêu cầu đa dạng trong công tác quản lý, điều hành lĩnh vực du lịch.

- Phối hợp với các tỉnh/thành và các đơn vị tham gia các hoạt động xúc tiến, giới thiệu các ứng dụng chuyển đổi số lĩnh vực du lịch đến người dân, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số để người dân cùng tham gia vào chuỗi cung ứng dịch vụ du lịch tại địa phương. Qua đó, thúc đẩy sinh kế bền vững thông qua việc khai thác các dịch vụ du lịch đặc trưng, góp phần phát triển kinh tế và bảo tồn giá trị văn hóa tại địa phương.

#### 9.4. Lĩnh vực thương mại điện tử

- Thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực thương mại tập trung vào phát triển thương mại điện tử trong các ngành, lĩnh vực chủ lực. Cần tạo thêm chuỗi liên kết mới giữa doanh nghiệp thương mại điện tử và doanh nghiệp sản xuất phù hợp với từng ngành hàng. Các hoạt động xúc tiến thương mại thông qua nền tảng điện tử cũng cần được tăng cường và mở rộng.

- Sàn giao dịch thương mại điện tử của tỉnh cần được duy trì hoạt động ổn định và nâng cấp để đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Tổ chức các khóa tập huấn nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật, đồng thời trang bị kiến thức thương mại điện tử cho doanh nghiệp, giúp họ tận dụng tối đa tiềm năng mô hình này.

- Khảo sát và học tập từ các mô hình thương mại điện tử thành công, xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành và thiết lập thị trường thương mại điện tử lành mạnh. Thanh tra, kiểm tra định kỳ các website bán hàng để đảm bảo minh bạch. Đưa vào vận hành cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử trên toàn tỉnh để quản lý và phát triển hiệu quả hơn.

- Khuyến khích doanh nghiệp trong các ngành sản xuất và dịch vụ ứng dụng thương mại điện tử để nhân rộng các mô hình thành công, nâng cao nhận thức của cộng đồng về vai trò quan trọng của thương mại điện tử trong thời đại số hóa.

#### 9.5. Lĩnh vực tài nguyên và môi trường

- Xây dựng CSDL về đất đai, tài nguyên rừng, khoáng sản, nguồn nước, biển và hải đảo, biến đổi khí hậu, khí tượng - thủy văn, bản đồ số, hướng tới số hóa toàn ngành tài nguyên và môi trường.

+ Hoàn thiện việc xây dựng các CSDL theo Quyết định số 2178/QĐ-TTg ngày 21/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ, đồng thời triển khai vận hành, thu

thập và bổ sung CSDL đất đai nhằm đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và quản lý phát triển đô thị thông minh. Đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn về chia sẻ dữ liệu và xây dựng, nâng cấp, vận hành các CSDL về tài nguyên và môi trường để phục vụ công tác quản lý Nhà nước trong các lĩnh vực liên quan.

+ Hoàn thiện các hạng mục còn lại của Dự án 920: Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành đo đạc bản đồ địa chính; hoàn thiện hạng mục đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; hoàn tất xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai cho các đơn vị cấp xã còn lại, đảm bảo đồng bộ và liên kết dữ liệu toàn tỉnh.

- Triển khai hệ thống tiếp nhận số liệu quan trắc môi trường tự động, liên tục; đầu tư hệ thống thiết bị quan trắc môi trường và cảnh báo sớm thiên tai. Phát triển hệ thống phần mềm quản lý đất đai (LIS) để nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên đất.

- Khuyến khích doanh nghiệp hợp tác với các đơn vị chức năng để phát triển nền tảng ứng dụng di động, cung cấp dịch vụ tư vấn, xử lý và khai thác dữ liệu về tài nguyên và môi trường. Xây dựng và triển khai các nền tảng dữ liệu số về tài nguyên, môi trường nhằm hỗ trợ phát triển đô thị thông minh và thúc đẩy chuyển đổi số trên toàn tỉnh.

#### 9.6. Lĩnh vực tài chính - ngân hàng

- Mở rộng phạm vi thanh toán không dùng tiền mặt: Hoàn thiện kết nối hạ tầng thanh toán giữa các cơ quan thuế, hải quan, kho bạc và các đơn vị cung ứng dịch vụ công để đảm bảo tính đồng bộ, nhanh chóng; mở rộng mạng lưới thanh toán POS/QR Code đến các cơ sở y tế, trường học, và các khu vực vùng khó khăn.

- Khuyến khích hợp tác công nghệ tài chính (Fintech): Tăng cường hợp tác giữa ngân hàng và các công ty fintech, trung gian thanh toán để xây dựng hệ sinh thái dịch vụ tài chính ngân hàng; triển khai các giải pháp phổ cập tài chính quốc gia thông qua các ứng dụng sáng tạo, tiện ích cho người dân.

- Đẩy mạnh tuyên truyền và giáo dục tài chính số: Xây dựng các chương trình truyền thông để nâng cao nhận thức của cộng đồng về lợi ích của thanh toán không dùng tiền mặt; tổ chức hội thảo, tập huấn nhằm phổ cập kiến thức về ngân hàng online, bao gồm tiết kiệm, bảo hiểm, tín dụng và mua sắm trực tuyến.

- Khuyến khích doanh nghiệp và tiêu thương tham gia: Cung cấp ưu đãi ngắn hạn và trung hạn cho các doanh nghiệp, tiêu thương khi sử dụng thanh toán điện tử; Phổ biến các công cụ quản lý và trả lương trực tuyến, khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng các dịch vụ ngân hàng số trong vận hành kinh doanh.

- Tăng cường giao dịch điện tử trong khu vực công: Đẩy mạnh giao dịch điện tử qua Kho bạc Nhà nước Bình Thuận, đảm bảo toàn bộ quy trình thu, chi không dùng tiền mặt; phát triển các công cụ hỗ trợ giao dịch điện tử cho các cơ quan nhà nước để nâng cao hiệu quả quản lý tài chính.

### 9.7. Lĩnh vực Y tế

- Xây dựng, phát triển, hoàn thiện CSDL ngành y tế; tích hợp các dữ liệu liên quan như hồ sơ bệnh án điện tử, hồ sơ sức khỏe điện tử, hệ thống tiêm chủng quốc gia, và CSDL Dược Quốc gia...; phát triển các công cụ phân tích dữ liệu lớn (Big Data) và trí tuệ nhân tạo (AI) để hỗ trợ dự báo dịch bệnh và quản lý y tế hiệu quả hơn.

- Phát triển hệ thống khám chữa bệnh thông minh: Hoàn thành triển khai hồ sơ bệnh án điện tử và đăng ký khám chữa bệnh trực tuyến tại tất cả các cơ sở y tế, từ bệnh viện đến trạm y tế xã/phường; thúc đẩy các dịch vụ khám chữa bệnh từ xa (telehealth) với các quy chuẩn cụ thể, mở rộng dịch vụ đến các vùng sâu, vùng xa; Nâng cấp hệ thống quản lý xét nghiệm (LIS) và lưu trữ truyền tải hình ảnh (RIS, PACS).

- Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin: Đảm bảo hạ tầng CNTT cho tất cả các đơn vị y tế, đặc biệt tại các trạm y tế cấp xã/phường; mở rộng hệ thống phần mềm quản lý thông tin y tế (HIS) đến tất cả các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn; phổ cập việc nhập liệu điện tử thay cho sử dụng giấy tại tất cả các cơ sở y tế;

- Cải thiện công tác quản lý và kết nối thông tin y tế: Xây dựng hệ thống thông tin để cảnh báo nhanh về an toàn thực phẩm và phản ánh ngộ độc thực phẩm qua các ứng dụng di động; tăng cường liên kết thông tin y tế với các cơ quan, doanh nghiệp và trường học trên địa bàn tỉnh để tạo sự đồng bộ trong quản lý.

- Tăng cường năng lực nhân sự: Đào tạo và nâng cao kỹ năng sử dụng phần mềm ứng dụng và CNTT cho công chức, viên chức ngành y tế; đảm bảo an toàn và bảo mật trong quá trình vận hành hệ thống CNTT, đặc biệt trong xử lý dữ liệu nhạy cảm.

- Khuyến khích đổi mới sáng tạo và hợp tác công nghệ: Phát triển các ứng dụng y tế trên nền tảng di động, khuyến khích sự tham gia của các doanh nghiệp công nghệ.

### 9.8. Lĩnh vực giáo dục và đào tạo

- Xây dựng, phát triển và chuẩn hóa CSDL ngành giáo dục; thực hiện số hóa toàn bộ dữ liệu của ngành, đảm bảo liên thông, tích hợp với Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh; triển khai hệ sinh thái dữ liệu số ngành giáo dục, đảm bảo khả năng kết nối với các hệ thống đô thị thông minh của tỉnh.

- Hoàn thiện và mở rộng cơ sở hạ tầng số cho giáo dục: Nâng cấp hệ thống hội nghị truyền hình, đảm bảo chất lượng kết nối tại tất cả các cơ sở giáo dục, đặc biệt tại các khu vực nông thôn và vùng khó khăn; đầu tư thêm thiết bị công nghệ như máy tính, máy chiếu, và mạng internet tốc độ cao cho các phòng học để đáp ứng nhu cầu học tập kết hợp trực tuyến và trực tiếp.

- Phát triển hệ thống phần mềm quản lý giáo dục thông minh: Tích hợp các chức năng như quản lý học sinh, giáo viên, học bạ điện tử, và cơ sở vật chất vào một hệ thống quản lý tập trung; phát triển kho học liệu số trực tuyến phong phú, kết hợp với ngân hàng câu hỏi, thi trắc nghiệm và các nền tảng phân tích dữ liệu để đổi mới phương pháp giảng dạy và kiểm tra.

- Nâng cao chất lượng giáo dục thông qua tích hợp công nghệ: Áp dụng các mô hình giáo dục tích hợp khoa học, công nghệ, kỹ thuật, toán học, nghệ thuật, và kinh doanh (STEAM) vào các chương trình ngoại khóa và lồng ghép trong các môn học phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện của địa phương; thúc đẩy phương pháp giảng dạy kết hợp giữa học trên lớp và học trực tuyến, tập trung vào trải nghiệm thực tiễn cho học sinh, đặc biệt là khối trung học phổ thông.

- Tăng cường khai thác dữ liệu để nâng cao hiệu quả quản lý: Sử dụng nền tảng phân tích dữ liệu giáo dục để hỗ trợ quản lý, đổi mới nội dung giảng dạy và hoạch định chính sách giáo dục; tích hợp dữ liệu từ các trường học vào hệ thống phân tích điều hành giáo dục trong IOC của tỉnh, tối ưu hóa việc sử dụng nguồn lực và dự báo nhu cầu.

- Đào tạo và nâng cao năng lực công nghệ cho giáo viên: Tổ chức các chương trình tập huấn về sử dụng công nghệ, hệ thống phần mềm quản lý và các nền tảng giảng dạy trực tuyến; trang bị kỹ năng cần thiết để giáo viên chủ động khai thác công nghệ và đổi mới phương pháp dạy học.

- Hỗ trợ chuyển đổi số toàn diện: Xây dựng các chính sách hỗ trợ tài chính và công nghệ cho các trường học gặp khó khăn trong quá trình chuyển đổi số; đẩy mạnh hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ để triển khai các giải pháp giáo dục thông minh, tăng cường cơ hội tiếp cận công nghệ số cho học sinh và giáo viên.

#### 9.9. Hành chính công

- Phát triển, hoàn thiện hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, kết nối với hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ bảo đảm yêu cầu tích hợp, chia sẻ dữ liệu thông suốt phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp.

- Triển khai các nền tảng số nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Hành chính công tỉnh gắn với yêu cầu giám sát, theo dõi tình hình giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính trên phạm vi toàn tỉnh, đồng thời tích hợp vào hệ thống của Trung tâm Điều hành thông minh của tỉnh.

- Thực hiện đầu tư, nâng cấp trang thiết bị để đáp ứng yêu cầu phục vụ người dân và doanh nghiệp thực hiện giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Phát triển, mở rộng các nền tảng số phục vụ người dân và doanh nghiệp thực hiện giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

## V. GIẢI PHÁP

### 1. Xác định mũi đột phá ưu tiên nguồn lực thực hiện trong năm 2025 làm nền tảng và thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số trong các năm tiếp theo

#### 1.1. Xây dựng cơ sở dữ liệu tỉnh Bình Thuận

- Hoàn thành xây dựng Chiến lược dữ liệu tỉnh Bình Thuận đến năm 2030; đồng thời triển khai Nền tảng xây dựng CSDL chuyên ngành, phát triển kho dữ liệu dùng chung và công dữ liệu mở của tỉnh với yêu cầu có thể kết nối, đồng bộ dữ liệu của tất cả các cơ quan, đơn vị trên toàn tỉnh (bao gồm cả các cơ quan khối Đảng, đoàn thể chính trị - xã hội).

- Ưu tiên phát triển hoàn thiện các dữ liệu số đối với các lĩnh vực ưu tiên thực hiện chuyển đổi số (tài nguyên và môi trường, du lịch, y tế, giáo dục và đào tạo, nông nghiệp,...). Tập trung nguồn lực để xây dựng hoàn thiện các dữ liệu số có tác động trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính.

1.2. Phát triển Trung tâm Điều hành đô thị thông minh: Phát triển Trung tâm Điều hành đô thị thông minh là hệ thống cung cấp cho lãnh đạo cách nhìn toàn diện, tập trung về các hoạt động đang tiếp diễn, thực hiện giám sát và quản lý chất lượng dịch vụ một cách tổng thể, cho phép phân tích dữ liệu lớn, hỗ trợ ra quyết định, xây dựng phương án tổ chức, điều hành với các tình huống cụ thể.

### 2. Nhóm giải pháp về thông tin, tuyên truyền

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông đại chúng tại tỉnh Bình Thuận, bao gồm các cuộc hội nghị, hội thảo, tọa đàm, nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức và người dân về chuyển đổi số. Nhấn mạnh lợi ích thiết thực trong việc tham gia và sử dụng các dịch vụ chuyển đổi số tại địa phương.

- Kết hợp tuyên truyền chuyển đổi số với cải cách hành chính và các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đặc thù của tỉnh Bình Thuận, thúc đẩy doanh nghiệp trên địa bàn tích cực tham gia vào quá trình chuyển đổi số.

- Tổ chức các sự kiện thường niên về chuyển đổi số tại Bình Thuận để giới thiệu các thành tựu, thu hút sự quan tâm và góp ý từ các cấp, các ngành và cộng đồng.

- Triển khai vận động, tuyên truyền nhằm nâng cao tri thức công nghệ số cho người dân, đặc biệt tại các khu vực nông thôn và miền núi, tạo điều kiện để tiếp cận các dịch vụ số hóa trong tỉnh.

- Xây dựng cơ chế đánh giá, biểu dương và khen thưởng kịp thời các tổ chức, cá nhân tiêu biểu trong chuyển đổi số tại Bình Thuận.



### **3. Nhóm giải pháp về công nghệ và tiêu chuẩn**

- Triển khai đồng bộ hạ tầng CNTT tại Bình Thuận, tập trung vào các nền tảng điện toán đám mây và ảo hóa, nhằm lưu trữ và quản lý hiệu quả cơ sở dữ liệu và các ứng dụng phục vụ chuyển đổi số.

- Ưu tiên ứng dụng các công nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT) và dữ liệu lớn (Big Data) để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số cho các ngành kinh tế chủ lực của tỉnh như công nghiệp, du lịch và nông nghiệp.

- Ban hành các tiêu chuẩn kết nối, tích hợp dữ liệu trong phạm vi tỉnh, đảm bảo khả năng chia sẻ, truy cập thông tin an toàn và thuận tiện giữa các cơ quan, tổ chức.

- Phát triển các tiêu chuẩn mở để chia sẻ dữ liệu và đảm bảo tính liên thông trong toàn hệ thống chuyển đổi số của tỉnh Bình Thuận (bao gồm cả các cơ quan Đảng, các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh).

### **4. Nhóm giải pháp về giám sát, đánh giá**

- Xây dựng bộ chỉ số đánh giá hiệu quả ứng dụng chuyển đổi số phù hợp với đặc điểm và điều kiện thực tế của Bình Thuận.

- Thường xuyên kiểm tra, đánh giá hiệu quả của các hệ thống thông minh đã triển khai, đồng thời đề xuất các giải pháp kịp thời để khắc phục tồn tại và thúc đẩy quá trình chuyển đổi số tại tỉnh.

### **5. Nhóm giải pháp về tổ chức bộ máy và đào tạo nhân lực**

- Tăng cường sử dụng đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT tại các cơ quan, tổ chức để vận hành và quản lý hệ thống chuyển đổi số của tỉnh.

- Triển khai chương trình đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao kỹ năng số cho cán bộ, công chức và người dân tại Bình Thuận, đảm bảo đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

- Ưu tiên áp dụng phương thức đào tạo trực tuyến, đặc biệt cho các khu vực vùng khó khăn của tỉnh.

### **6. Nhóm giải pháp về tài chính**

- Huy động nguồn lực từ ngân sách nhà nước, nguồn xã hội hóa và tài trợ hợp pháp để phát triển hệ thống phần mềm và triển khai các dịch vụ chuyển đổi số cho tỉnh Bình Thuận.

- Ưu tiên đầu tư tài chính cho các dự án chuyển đổi số ở các lĩnh vực cải cách hành chính, giáo dục, y tế, du lịch và hạ tầng đô thị thông minh.

### **7. Nhóm giải pháp về an toàn thông tin**

- Phân bổ ít nhất 10% ngân sách CNTT của tỉnh Bình Thuận cho nhiệm vụ đảm bảo an toàn thông tin, bao gồm việc thuê dịch vụ từ các doanh nghiệp chuyên trách.

- Áp dụng các tiêu chuẩn an toàn thông tin theo quy định của Chính phủ, đảm bảo dữ liệu của tỉnh được bảo mật ở mức độ cao nhất.

- Tổ chức định kỳ các buổi đào tạo, diễn tập về ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng cho đội ngũ cán bộ CNTT trên địa bàn tỉnh.

- Phát triển các cơ chế giám sát và bảo vệ an toàn dữ liệu cho các hệ thống thông tin quan trọng của tỉnh Bình Thuận.

## **VI. KINH PHÍ VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN**

**1. Kinh phí:** Ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương, ngân sách địa phương); nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

**2. Lộ trình thực hiện:** Giai đoạn: 2025 - 2030, với tổng kinh phí đầu tư dự kiến: 459.230 triệu đồng (Trung bình mỗi năm: 77.000 triệu đồng).

## **VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính, chuyển đổi số và Đề án 06 của tỉnh (Ban Chỉ đạo tỉnh)**

- Đôn đốc, điều phối chung việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án, hoạt động chuyển đổi số của tỉnh.

- Chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương phối hợp thực hiện chủ trương, chiến lược, cơ chế, chính sách của quốc gia, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và các đề án, chương trình, kế hoạch của tỉnh về chuyển đổi số. Điều phối việc thực hiện cơ chế, chính sách, chương trình, đề án, dự án, giải pháp có tính chất liên ngành về chuyển đổi số, xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh.

- Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện cơ chế, chính sách, chương trình, đề án, dự án, giải pháp có tính chất liên ngành về chuyển đổi số, xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh.

**2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức Chính trị - Xã hội:** Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, tham gia, phối hợp với các sở, ngành, địa phương trong tỉnh triển khai thực hiện các nội dung của Đề án.

### **3. Sở Thông tin và Truyền thông**

- Theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai của các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện; chủ động nắm bắt các khó khăn, vướng mắc có khả năng ảnh hưởng đến chất lượng, tiến độ của Đề án và phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện tìm phương án giải quyết, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét.

- Hướng dẫn các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp cận tư vấn để triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong các lĩnh vực chủ quản.

- Tổ chức triển khai công tác tuyên truyền các nội dung và kết quả triển khai Đề án.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan lựa chọn đề nghị khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện chuyển đổi số.

- Tham mưu tổ chức các công tác sơ kết, tổng kết thực hiện Đề án.

**4. Sở Kế hoạch và Đầu tư:** Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt Đề án, thẩm định, trình phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn và bố trí nguồn kinh phí hàng năm (từ nguồn ngân sách tỉnh và các nguồn vốn huy động khác) để thực hiện các dự án, nhiệm vụ trong danh mục theo đề án được phê duyệt.

**5. Sở Tài chính:** Trên cơ sở dự toán hàng năm của các sở, ngành xây dựng và căn cứ khả năng cân đối của ngân sách tỉnh; Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí kinh phí chi thường xuyên thực hiện Đề án theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

#### **6. Các sở, ban, ngành**

- Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chậm nhất sau 60 ngày kể từ khi ban hành Đề án, các sở, ban, ngành xây dựng Kế hoạch để tổ chức thực hiện, gửi Sở Thông tin và Truyền thông.

- Chủ trì, phối hợp thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quản lý, được giao trong đề án; phối hợp với các cơ quan, đơn vị khác trong việc thực hiện các dự án liên ngành, các dự án về nền tảng công nghệ dùng chung của toàn tỉnh, đảm bảo tính đồng bộ, kết nối và chia sẻ dữ liệu.

- Định kỳ trước ngày 15/6 (đối với báo cáo 6 tháng) và trước ngày 15/12 (đối với báo cáo năm) hằng năm gửi báo cáo kết quả thực hiện về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

#### **7. Ủy ban nhân dân cấp huyện**

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ngành liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện các chương trình, dự án trên địa bàn, đảm bảo tính thống nhất giữa ngành với địa phương và tỉnh.

- Chủ trì hoặc phối hợp với các đơn vị liên quan để xây dựng, thực hiện các dự án triển khai chuyển đổi số trên địa bàn theo sự chỉ đạo, hướng dẫn của tỉnh.

- Tập trung chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số cấp xã với các nội dung cụ thể sau:

+ Tái cấu trúc hạ tầng số cho xây dựng chính quyền thông minh, tận dụng hiệu quả các đường truyền dẫn Internet, mạng LAN cấp xã; đào tạo nâng cao trình độ sử dụng CNTT cho cán bộ, tăng cường đảm bảo an toàn thông tin.

+ Lắp đặt POS, QR Code tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của xã, phường, tạo điều kiện cho người dân thanh toán phí, lệ phí các TTHC phát sinh.

+ Phát triển thương mại điện tử: Kết nối sàn THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ; đưa sản phẩm nông sản, sản phẩm của làng nghề (nếu có) lên sàn. Sản phẩm OCOP của xã được giới thiệu, quảng bá trên trang thông tin điện tử, mạng xã hội. Xã được gán và cập nhật địa chỉ bưu chính (gắn với bản đồ V-MAP).

+ Y tế thông minh: Triển khai tư vấn, chăm sóc sức khỏe từ xa cho người dân (Tele medicine). Khám chữa bệnh từ xa kết nối trạm y tế cấp xã với các bệnh viện lớn (Tele Health).

+ Xây dựng Chính quyền điện tử cấp xã: Thực hiện ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, điều hành, phục vụ đời sống kinh tế - xã hội. Triển khai các ứng dụng phục vụ quản lý, điều hành như quản lý thông tin nhân khẩu, hộ gia đình trên địa bàn, quản lý các chính sách an sinh xã hội, xây dựng kênh trao đổi, tương tác trực tuyến giữa chính quyền cấp xã và Nhân dân, bản tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã qua ứng dụng trên điện thoại thông minh.

+ Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân và cán bộ cấp xã về chính quyền điện tử, dịch vụ công trực tuyến và chuyển đổi số.

#### **8. Các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh**

Tham gia tổ chức triển khai thực hiện các nội dung trong Đề án góp phần thiết thực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nói chung và phát triển hạ tầng CNTT, hạ tầng viễn thông nói riêng.

### **Phần IV**

## **DỰ KIẾN HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN VÀ KẾT LUẬN**

### **I. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN**

#### **1. Hiệu quả về quản lý Nhà nước**

Việc triển khai hiệu quả Đề án sẽ hình thành cơ sở dữ liệu toàn tỉnh, các hệ thống thông tin, nền tảng số làm thay đổi về phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và hoạt động chuyên môn của các cơ quan nhà nước dựa trên dữ liệu, từ đó có tác động tích cực đến phương thức hoạt động của bộ máy cơ quan Nhà nước của tỉnh theo hướng:

- Công tác quản lý, điều hành tập trung hơn, dễ dàng hơn, minh bạch hơn nhờ vào dữ liệu; góp phần nâng cao uy tín của chính quyền đối với người dân, doanh nghiệp, đưa chính quyền đến gần người dân hơn thông qua môi trường số.

- Hỗ trợ chính quyền chỉ đạo và điều hành, ra quyết định dựa trên dữ liệu một cách toàn diện nhằm góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Hỗ trợ công tác tổng hợp, phân tích thông tin và dự báo dựa trên dữ liệu phục vụ hiệu quả công tác quản lý.

- Góp phần thực hiện mục tiêu hiện đại hóa nền hành chính, nâng cao năng lực quản lý, điều hành và phục vụ công dân, doanh nghiệp tốt hơn.

## **2. Hiệu quả về kinh tế - xã hội**

- Cung cấp các công cụ hỗ trợ cho doanh nghiệp tương tác, làm thủ tục hành chính với chính quyền dễ dàng hơn, nhanh hơn, tập trung hơn và mang đến môi trường làm việc hiệu quả, minh bạch hơn cho doanh nghiệp. Giúp doanh nghiệp có thêm công cụ kết nối, cách tiếp cận mới đối với khách hàng, người dân trên địa bàn tỉnh, góp phần giảm thiểu chi phí trong quản lý và kinh doanh, cải thiện hệ thống vận hành doanh nghiệp.

- Thúc đẩy việc phát triển, hình thành thói quen sử dụng các nền tảng thanh toán số, thông qua đó định hình lại phương thức giao dịch theo hướng tiện ích hơn, minh bạch hơn, hiện đại và nhanh chóng hơn.

- Góp phần cải thiện tỷ lệ người dân sử dụng các dịch vụ tài chính cơ bản, quản lý các chương trình an sinh xã hội (giúp đỡ người nghèo) đúng đối tượng và minh bạch; tạo ra các mô hình kinh doanh mới trong hệ thống doanh nghiệp của tỉnh, và phát triển kéo theo sự phát triển bền vững nền kinh tế cho tỉnh.

- Mở ra cánh cửa, cơ hội cho mỗi người dân, đặc biệt là người nông dân trên địa bàn tỉnh dễ dàng tiếp cận các cơ hội việc làm, tham gia chuỗi sản xuất, kinh doanh đối với các lĩnh vực đặc trưng, có thế mạnh của tỉnh; thu hẹp khoảng cách địa lý, nhất là người dân vùng khó khăn của tỉnh, mang đến cơ hội bình đẳng cho người dân về tiếp cận dịch vụ, mang lại cho người dân những tiến bộ lớn về chất lượng cuộc sống thông qua công nghệ số.

- Có tác động tích cực đến mọi mặt của đời sống xã hội, phát huy tối đa quyền của mỗi công dân trong việc tham gia hoạt động tương tác với chính quyền và phản biện đối với xã hội; đồng thời, mở ra một không gian mới, tăng cường khả năng tương tác giữa người dân với chính quyền, doanh nghiệp với chính quyền, chính quyền các cấp với nhau, từ đó cung cấp đầy đủ, toàn diện thông tin hỗ trợ, tác động qua lại lẫn nhau để hoạt động của người dân, chính quyền và doanh nghiệp ngày một tốt hơn. Mang đến cho người dân môi trường sống tiện lợi hơn, người dân có điều kiện hỗ trợ thông tin cho chính quyền và được hưởng

lợi mang lại từ dữ liệu, thông tin mà mình đã đóng góp, từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân.

- Tạo ra môi trường thuận lợi cho khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, thu hút đầu tư và phát triển kinh tế bền vững.

### **3. Tác động của chuyển đổi số lên cuộc sống**

Chuyển đổi số hiện đang tác động ngày một sâu, rộng vào công việc và cuộc sống hàng ngày của mỗi người dân. Bên cạnh đó, chuyển đổi số cũng đang tác động vào tất cả các ngành công nghiệp, thách thức tất cả các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nói chung và của tỉnh Bình Thuận nói riêng, theo các cách:

- Xu hướng thứ nhất, chuyển đổi số trong các dịch vụ sinh hoạt giúp người dân được trang bị các hệ thống dịch vụ hỗ trợ thông minh, hỗ trợ thực hiện các công việc trong cuộc sống một cách hiệu quả hơn. Xu hướng này giúp các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong tỉnh tiết kiệm được thêm thời gian và công sức nhờ có các công cụ nghiên cứu hoặc phân tích dữ liệu cho các dịch vụ sinh hoạt tương ứng được cung cấp bởi các sản phẩm của chuyển đổi số.

- Xu hướng thứ hai, chuyển đổi số trong công nghệ truyền thông. Các công nghệ mới cho phép mỗi người dân trong tỉnh được giao tiếp với nhau một cách dễ dàng và thuận tiện hơn thông qua các nền tảng số. Điều này giúp mọi người kết nối với nhau chặt chẽ hơn, đảm bảo cho giúp đỡ nhau trong công việc hiệu quả hơn.

- Xu hướng thứ ba, chuyển đổi số trong lưu thông thị trường. Hiệu quả của đề án chuyển đổi số sẽ tác động đến tất cả các ngành công nghiệp, các doanh nghiệp và chuỗi sản xuất, cung ứng trên địa bàn tỉnh.

## **II. KẾT LUẬN**

1. Hoạt động chuyển đổi số cần sự phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền, doanh nghiệp và người dân nhằm xây dựng một hệ sinh thái số bền vững, đồng bộ.

2. Việc thực hiện đồng bộ các nhóm giải pháp về chuyển đổi nhận thức, kiến tạo thể chế, phát triển hạ tầng số, phát triển nguồn nhân lực sẽ không chỉ giúp Bình Thuận đạt được mục tiêu tại Nghị quyết số 10-NQ/TU đã xác định là đến năm 2030 lọt vào top 20 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước về chuyển đổi số mà còn tạo nền tảng vững chắc cho phát triển kinh tế - xã hội, tăng năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững của tỉnh trong bối cảnh kinh tế số toàn cầu ngày càng phát triển mạnh mẽ.

3. Chuyển đổi số giúp nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh tận dụng các cơ hội kinh tế số, thu hút đầu tư, phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn, và nâng cao năng lực cạnh tranh. Đặc biệt, các doanh nghiệp địa phương có thể mở rộng thị trường, tối ưu hóa quy trình sản xuất, và tăng trưởng doanh thu nhờ các công nghệ

số. Bên cạnh đó, còn cải thiện chất lượng dịch vụ công và quản lý hành chính từ việc ứng dụng công nghệ số trong cung cấp dịch vụ công giúp người dân tiếp cận dịch vụ nhanh chóng, minh bạch và tiết kiệm chi phí góp phần xây dựng chính quyền số hiện đại, hiệu quả, và tăng cường niềm tin của người dân vào cơ quan nhà nước.

4. Xây dựng nguồn nhân lực số chất lượng cao trong quá trình chuyển đổi số với yêu cầu phải đầu tư vào đào tạo, nâng cao kỹ năng công nghệ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân.

5. Ưu tiên nguồn lực để tập trung triển khai các mũi đột phá đã được xác định trong đề án./.

**PHỤ LỤC I**  
**DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN**

<b>Số TT</b>	<b>Nhiệm vụ</b>	<b>Đơn vị chủ trì</b>	<b>Đơn vị phối hợp</b>	<b>Lộ trình</b>	<b>Kinh phí (triệu đồng)</b>	<b>Nguồn kinh phí</b>
<b>I</b>	<b>Chuyển đổi nhận thức</b>				<b>11.400</b>	
1	Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng, phổ cập kỹ năng số và hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ số	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	Hàng năm	3.000 (500/năm)	Nguồn ngân sách nhà nước
2	Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, hội thi chuyên đề về chuyển đổi số	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	Hàng năm	1.200 (200/năm)	Nguồn ngân sách nhà nước
3	Các hoạt động truyền thông hưởng ứng ngày Chuyển đổi số	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	Hàng năm	600 (100/năm)	Nguồn ngân sách nhà nước
4	Biểu dương, khen thưởng và tôn vinh tổ chức, cá nhân điển hình tiên tiến có cách làm hay về chuyển đổi số	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	Hàng năm	600 (100/năm)	Nguồn ngân sách nhà nước



Số TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình	Kinh phí (triệu đồng)	Nguồn kinh phí
5	Triển khai các hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng	UBND cấp huyện	Các sở, ngành	Hàng năm	6.000 100/năm/huyện	Nguồn ngân sách nhà nước
<b>II</b>	<b>Kiến tạo thể chế</b>				<b>0</b>	<b>Sử dụng nguồn kinh phí hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh</b>
1	Tổ chức triển khai thực hiện các chính sách liên quan ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, phát triển hạ tầng số	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	Hàng năm		
2	Tổ chức triển khai thực hiện chính sách thu hút, phát triển nguồn nhân lực CNTT có chất lượng làm việc trong các cơ quan, đơn vị của tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	Hàng năm		
3	Xây dựng chính sách tạo thuận lợi để người dân, doanh nghiệp tham gia sử dụng dịch	Sở Thông tin và	Các sở, ngành,	Hàng năm		

Số TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình	Kinh phí (triệu đồng)	Nguồn kinh phí
	vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền ban hành của tỉnh	Truyền thông	UBND cấp huyện			
4	Xây dựng các quy định, quy chế về xây dựng, phát triển và sử dụng dữ liệu của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	Hàng năm		
5	Xây dựng các quy định, quy chế về quản lý, vận hành các hệ thống thông tin, nền tảng số	Các đơn vị giao chủ trì đầu tư các hệ thống thông tin, nền tảng số	Sở Thông tin và Truyền thông	Hàng năm		
6	Xây dựng các quy định, quy chế về an toàn thông tin	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	Hàng năm		
<b>III</b>	<b>Phát triển hạ tầng số</b>				<b>443.630</b>	
<b>1</b>	<b>Hạ tầng viễn thông và internet</b>				<b>7.200</b>	
1.1	Duy trì, nâng cao chất lượng của Mạng truyền số liệu chuyên dùng, bảo đảm ổn định, thông suốt, kết nối bốn cấp hành chính	Trung tâm CNTT&TT	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	Hàng năm	7.200 (1.200/năm)	Nguồn ngân sách nhà nước

Số TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình	Kinh phí (triệu đồng)	Nguồn kinh phí
	từ Trung ương đến cấp xã để phục vụ chính phủ số					
1.2	Phát triển hạ tầng cáp quang chất lượng cao, hạ tầng mạng di động 4G, 5G	Các doanh nghiệp viễn thông	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	Hàng năm		Nguồn xã hội hoá (các doanh nghiệp viễn thông)
<b>2</b>	<b>Hạ tầng dữ liệu</b>				<b>176.190</b>	
2.1	Xây dựng Chiến lược dữ liệu tỉnh Bình Thuận đến năm 2030	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	2025	450	Nguồn ngân sách nhà nước
2.2	Thuê dịch vụ CNTT: Nền tảng xây dựng CSDL chuyên ngành, phát triển Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh và Cổng dữ liệu mở của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	Hàng năm	60.000 (10.000/năm)	Nguồn ngân sách nhà nước
2.3	Thuê dịch vụ CNTT: Hệ thống thông tin địa lý (GIS) phục vụ công tác quy hoạch tỉnh Bình Thuận	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	2025-2027	7.200	Nguồn ngân sách nhà nước

Số TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình	Kinh phí (triệu đồng)	Nguồn kinh phí
2.4	Xây dựng CSDL lĩnh vực tài nguyên và môi trường (đất đai, môi trường, khoáng sản, tài nguyên nước,...)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	2025-2030	50.000	Nguồn ngân sách nhà nước
2.5	Xây dựng CSDL lĩnh vực văn hoá, thể thao và du lịch (du lịch, di sản văn hoá, thư viện)	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	2025-2030	5.000	Nguồn ngân sách nhà nước
2.6	Xây dựng CSDL lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn (rừng, thủy lợi, trồng trọt, tâu cá; nuôi trồng thủy, hải sản; sản phẩm OCOP; cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản,...)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	2025-2030	7.000	Nguồn ngân sách nhà nước
2.7	Xây dựng CSDL lĩnh vực nội vụ (tài liệu lưu trữ lịch sử; hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính các cấp)	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	2025-2030	5.000	Nguồn ngân sách nhà nước
2.8	Xây dựng CSDL lĩnh vực tư pháp (xử lý vi phạm hành chính)	Sở Tư pháp	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	2025	3.500	Nguồn ngân sách nhà nước

Số TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình	Kinh phí (triệu đồng)	Nguồn kinh phí
2.9	Xây dựng CSDL lĩnh vực kế hoạch và đầu tư (doanh nghiệp, hợp tác xã; dự án đầu tư)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	2025-2030	3.000	Nguồn ngân sách nhà nước
2.10	Xây dựng CSDL lĩnh vực tài chính (dữ liệu về giá)	Sở Tài chính	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	2025-2027	4.040	Nguồn ngân sách nhà nước
2.11	Xây dựng CSDL lĩnh vực y tế (khám chữa bệnh, hồ sơ sức khỏe)	Sở Y tế	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	2025-2030	5.000	Nguồn ngân sách nhà nước
2.12	Xây dựng CSDL lĩnh vực giáo dục và đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	2025-2030	5.000	Nguồn ngân sách nhà nước
2.13	Xây dựng CSDL lĩnh vực lao động, thương binh và xã hội (người có công, lao động, việc làm)	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	2025-2027	5.000	Nguồn ngân sách nhà nước
2.14	Xây dựng CSDL lĩnh vực xây dựng (hạ tầng kỹ thuật đô thị, cấp phép xây dựng)	Sở Xây dựng	Các sở, ngành,	2025-2030	5.000	Nguồn ngân sách nhà nước

Số TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình	Kinh phí (triệu đồng)	Nguồn kinh phí
			UBND cấp huyện			
2.15	Xây dựng CSDL lĩnh vực giao thông (hạ tầng giao thông)	Sở Giao thông vận tải	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	2025-2030	5.000	Nguồn ngân sách nhà nước
2.16	Xây dựng cơ sở dữ liệu lĩnh vực thông tin và truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	2025-2026	3.000	Nguồn ngân sách nhà nước
2.17	Xây dựng cơ sở dữ liệu lĩnh vực khoa học và công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	2025-2030	2.000	Nguồn ngân sách nhà nước
2.18	Xây dựng CSDL quản lý khu công nghiệp	Ban Quản lý các khu công nghiệp Bình Thuận	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	2025-2030	1.000	Nguồn ngân sách nhà nước
<b>3</b>	<b>Hạ tầng vật lý - số</b>				<b>106.600</b>	
3.1	Nâng cấp Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh	Trung tâm CNTT&TT	Các sở, ngành,	Hàng năm	10.000	Nguồn ngân sách nhà nước

Số TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình	Kinh phí (triệu đồng)	Nguồn kinh phí
			UBND cấp huyện			
3.2	Phát triển hoàn thiện hạ tầng mạng nội bộ của các cơ quan, đơn vị đảm bảo an toàn thông tin mạng; thực hiện đầu tư, nâng cấp trang thiết bị số phù hợp nhằm đáp ứng yêu cầu xử lý nghiệp vụ trên môi trường số (đảm bảo thiết bị hoạt động ổn định, thông suốt)	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	Sở Thông tin và Truyền thông	2025-2026	30.000	Nguồn ngân sách nhà nước
3.3	Trang thiết bị công nghệ thông tin, cơ sở vật chất của Trung tâm Điều hành thông minh tỉnh và cấp huyện	Sở Thông tin và Truyền thông, UBND cấp huyện	Các sở, ngành	2025-2027	40.000	Nguồn ngân sách nhà nước
3.4	Xây dựng, hoàn thiện Hệ thống hội nghị truyền hình của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh	Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông	2025-2030	20.000	Nguồn ngân sách nhà nước
3.5	Duy trì, nâng cấp, thay thế thiết bị của Hệ thống hội nghị truyền hình tại 136 điểm cầu (UBND tỉnh: 02 điểm cầu; UBND cấp	Văn phòng UBND tỉnh,	Các sở, ngành	Hàng năm	6.000 (1.000/năm)	Nguồn ngân sách nhà nước

Số TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình	Kinh phí (triệu đồng)	Nguồn kinh phí
	huyện: 10 điểm cầu; UBND cấp xã: 121 điểm cầu)	UBND cấp huyện				
3.6	Mua sắm trang thiết bị, phần mềm phục vụ công tác của Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng tỉnh	Trung tâm CNTT&TT		2025	600	Nguồn ngân sách nhà nước
<b>4</b>	<b>Hạ tầng tiện ích số và Công nghệ số</b>				<b>153.640</b>	
4.1	Phát triển hệ sinh thái số phục vụ cán bộ, công chức, viên chức (tích hợp kho dữ liệu tỉnh, các nền tảng số, xác thực tập trung, trợ lý ảo,...)	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	2025-2030	3.000	Nguồn ngân sách nhà nước
4.2	Thuê dịch vụ CNTT: Nền tảng Trung tâm Điều hành thông minh tỉnh và cấp huyện	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	2025-2030	30.000 (5.000/năm)	Nguồn ngân sách nhà nước
4.3	Thuê dịch vụ CNTT: Hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	2025-2030	5.400 (900/năm)	Nguồn ngân sách nhà nước
4.4	Thuê dịch vụ CNTT: Nền tảng trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp trong việc	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành,	2025-2029	2.200	Nguồn ngân sách nhà nước



Số TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình	Kinh phí (triệu đồng)	Nguồn kinh phí
	thực hiện thủ tục hành chính của tỉnh gắn với sử dụng Tổng đài 1022		UBND cấp huyện			
4.5	Thuê dịch vụ CNTT: Hệ thống thông tin báo cáo và chỉ đạo điều hành tỉnh Bình Thuận	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	2025-2029	6.200	Nguồn ngân sách nhà nước
4.6	Thuê dịch vụ CNTT: Hệ thống Điều hành chính quyền điện tử tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2025-2030	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	2025-2029	18.000	Nguồn ngân sách nhà nước
4.7	Thuê dịch vụ CNTT: Hệ thống Công thông tin điện tử tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2025-2030	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	2025-2029	20.000	Nguồn ngân sách nhà nước
4.8	Thuê dịch vụ CNTT: Nền tảng trợ lý ảo du lịch đa ngôn ngữ	Trung tâm Xúc tiến du lịch	UBND cấp huyện	2025-2027	3.440	Nguồn ngân sách nhà nước
4.9	Thuê dịch vụ CNTT: Công thông tin du lịch thông minh tỉnh Bình Thuận	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	UBND cấp huyện	2025-2029	9.500	Nguồn ngân sách nhà nước

Số TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình	Kinh phí (triệu đồng)	Nguồn kinh phí
4.10	Hệ thống thông tin quản lý về an sinh xã hội	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	UBND cấp huyện	2025-2026	3.000	Nguồn ngân sách nhà nước
4.11	Hệ thống thông tin Quản lý người có công	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	UBND cấp huyện	2025-2026	3.000	Nguồn ngân sách nhà nước
4.12	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý ngành giáo dục Bình Thuận	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND cấp huyện	2025-2030	10.000	Nguồn ngân sách nhà nước
4.13	Xây dựng Hệ thống nghiệp vụ ngành Công Thương	Sở Công Thương	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	2025-2030	5.100	Nguồn ngân sách nhà nước
4.14	Xây dựng nền tảng tư vấn khám, chữa bệnh từ xa cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận	Sở Y tế	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	2025-2026	2.500	Nguồn ngân sách nhà nước
4.15	Hệ thống quản lý hồ sơ bệnh án điện tử sử dụng cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận	Sở Y tế	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	2025-2026	5.000	Nguồn ngân sách nhà nước

Số TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình	Kinh phí (triệu đồng)	Nguồn kinh phí
4.16	Xây dựng Hệ thống quản lý thông tin hạ tầng kỹ thuật đô thị và cấp phép xây dựng tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2024 - 2025	Sở Xây dựng	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	2025-2030	3.000	Nguồn ngân sách nhà nước
4.17	Xây dựng Hệ thống thông tin Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	2025-2030	3.000	Nguồn ngân sách nhà nước
4.18	Duy trì, cập nhật, phát triển Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh; kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân; thực hiện các kết nối với các hệ thống thông tin, CSDL khác có liên quan.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	Hàng năm	3.000 (500/năm)	Nguồn ngân sách nhà nước
4.19	Nghiên cứu, ứng dụng trí tuệ nhân tạo để hỗ trợ công tác tổng hợp, xử lý văn bản ở các cơ quan, đơn vị, địa phương trên toàn tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	2025-2027	3.000	Nguồn ngân sách nhà nước
4.20	Duy trì, cập nhật, nâng cấp nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu (LGSP) của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	Hàng năm	1.800 (300/năm)	Nguồn ngân sách nhà nước

Số TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lộ trình	Kinh phí (triệu đồng)	Nguồn kinh phí
4.21	Thuê dịch vụ CNTT: Duy trì hoạt động hệ thống giám sát, quản lý tập trung cấp tỉnh	Trung tâm CNTT&TT	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	Hàng năm	12.000 (2.000/năm)	Nguồn ngân sách nhà nước
4.22	Thuê dịch vụ CNTT: Bảo trì phần mềm Quản lý văn bản và điều hành của tỉnh.	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	2025-2027	1.500	Nguồn ngân sách nhà nước
<b>VI</b>	<b>Phát triển nguồn nhân lực</b>				<b>4.200</b>	
1	Tổ chức các khóa đào tạo kỹ năng số cho các cán bộ lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan nhà nước	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	Hàng năm	1.800 (300/năm)	Nguồn ngân sách nhà nước
2	Đào tạo, tập huấn chuyên sâu cho đối tượng chuyên trách chuyển đổi số (bao gồm lĩnh vực an toàn thông tin mạng)	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	Hàng năm	2.400 (400/năm)	Nguồn ngân sách nhà nước
	<b>Tổng khái toán</b>				<b>459.230</b>	

**PHỤ LỤC II**  
**HIỆN TRẠNG THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CỦA CÁC SỞ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG**

**I. CÁC SỞ, NGÀNH**

Số TT	Tên đơn vị	Hiện trạng hạ tầng công nghệ thông tin										
		Tổng số máy tính	Máy chủ	Máy tính để bàn	Máy tính xách tay	Máy in A4	Máy in A3	Máy quét (Scan) A3	Máy quét (Scan) A4	Máy photocopy	Các thiết bị khác	Số máy tính kết nối internet
1	Sở Tài Nguyên và Môi Trường	272	27	226	19	82	24	6	18	14		272
2	Ban quản lý các KCN Bình Thuận	19	0	17	2	9	0	0	3	1		19
3	Sở Nội vụ	38	0	34	4	12	1		1	1		38
4	Sở Kế Hoạch và Đầu tư	39	0	37	2	8	0	0	3	1	0	39
5	Cục Thống kê tỉnh	35	4	27	4	7	1		1	3	18	35
6	Văn phòng UBND tỉnh	70	0	65	5	15	1	0	3	3		70
7	Sở Tư pháp	30	0	29	1	17			4	1		30
8	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Bình Thuận	45	1	40	4	18	2	0	3	2		45

Số TT	Tên đơn vị	Hiện trạng hạ tầng công nghệ thông tin										
		Tổng số máy tính	Máy chủ	Máy tính để bàn	Máy tính xách tay	Máy in A4	Máy in A3	Máy quét (Scan) A3	Máy quét (Scan) A4	Máy photocopy	Các thiết bị khác	Số máy tính kết nối internet
9	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	37	0	31	6	1	20		1	1		37
10	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	37	0	35	2	23	0	0	3	2		37
11	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	50	0	40	10	28			2	3		50
12	Ban Dân tộc tỉnh	17	0	16	1	9	0	0	1	1		17
13	Sở Khoa học và Công nghệ	26	1	20	5	9			1	1		26
14	Sở Giao thông vận tải	47	3	43	1	20	0	0	2	2		47
15	Sở Tài chính	60	4	42	14	18	0	0	5	2	1	60
16	Sở Xây dựng	35	0	34	1	16	0	0	2	1		35
17	Sở Công Thương	36	0	32	4	11	1	1	1			36
18	Thanh tra tỉnh	35	0	30	5	11			1	2		35
19	Sở Thông tin và Truyền thông	28	0	26	2	10	0	0	1	1	5	28

Số TT	Tên đơn vị	Hiện trạng hạ tầng công nghệ thông tin										
		Tổng số máy tính	Máy chủ	Máy tính để bàn	Máy tính xách tay	Máy in A4	Máy in A3	Máy quét (Scan) A3	Máy quét (Scan) A4	Máy photocopy	Các thiết bị khác	Số máy tính kết nối internet
20	Sở Giáo dục và Đào tạo	49	0	39	10	36	6	0	2	1		49

## II. UBND CẤP HUYỆN

Số TT	Tên đơn vị	Hiện trạng hạ tầng công nghệ thông tin										
		Tổng số máy tính	Máy chủ	Máy tính để bàn	Máy tính xách tay	Máy in A4	Máy in A3	Máy quét (Scan) A3	Máy quét (Scan) A4	Máy photocopy	Các thiết bị khác	Số máy tính kết nối internet
1	Thành phố Phan Thiết	80	0	80	0	60	1	1	10	15		80
2	Phú Quý	42	0	8	34	32	0	0	4	1		42
3	Thị xã La Gi	92	0	82	10	35	1	0	11	11		92
4	Đức Linh	91	0	86	5	30	0	0	13	1		91
5	Tánh Linh	103	0	82	21	79	0	1	14	12		103
6	Tuy Phong	197	1	188	8	97	0	0	17	2		197





Số TT	Tên đơn vị	Hiện trạng hạ tầng công nghệ thông tin							
		Tổng số máy tính	Máy tính để bàn	Máy tính xách tay	Máy in A4	Máy in A3	Máy quét (Scan) A3	Máy quét (Scan) A4	Máy photocopy
	04 xã, 11 phường	594	417	13	315	0	0	95	29
<b>V</b>	<b>HUYỆN TÁNH LINH</b>								
	13 xã, phường	406	363	43	352	0	1	68	18
<b>VI</b>	<b>THỊ XÃ LA GI</b>								
	04 xã, 09 phường	164	155	9	126	2	2	41	21
<b>VII</b>	<b>HUYỆN ĐỨC LINH</b>								
	10 xã, 02 thị trấn	264	264	0	60	0	0	24	0
<b>VIII</b>	<b>HUYỆN PHÚ QUÝ</b>								
	03 xã	93	19	74	85	0	1	10	3
<b>IX</b>	<b>HUYỆN BẮC BÌNH</b>								
	16 xã, 02 thị trấn	477	452	25	402	0	0	65	24
<b>X</b>	<b>HUYỆN HÀM TÂN</b>								
	08 xã, 02 thị trấn	374	372	2	325	0	0	37	22